

GIẢI NGHĨA KINH
KIM CANG, BÁT NHÃ
&
33 BÀI KỆ CỦA CÁC VỊ TÔ
ẤN - HOA

THÍCH THẮNG GIẢI



GIẢI NGHĨA KINH
KIM CANG, BÁT NHÃ
&
33 BÀI KỆ CỦA CÁC VỊ TÔ
ÃN - HOA



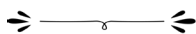
NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC



LỜI THƯA	7
GIẢI NGHĨA KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA.....	9
GIẢI NGHĨA BÁT NHÃ TÂM KINH.....	103
GIẢI NGHĨA CÁC BÀI KỆ TRUYỀN PHÁP CỦA 33 VỊ TỔ ẤN - HOA.....	145
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	184

LỜI THƯA



Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa, Tâm Kinh và 33 Bài kệ Của Các Vị Tổ Ấn - Hoa vốn đã có nhiều bản chú giải của các bậc đại lão Hòa Thượng - Những bậc thầy có trí tuệ rộng lớn. Tôi là người trí cạn nên có thể chưa hiểu hết nội dung thâm sâu của những bản kinh này. Nhưng mỗi lần đọc các bản kinh, bản thân tôi rất tâm đắc với nghĩa lý siêu việt trong từng đoạn, từng lời trong kinh. Với nguồn cảm hứng ấy, tôi mạnh dạn viết lại những cảm nhận theo kinh nghiệm tu tập của mình. Tôi mạo muội coi bản giải nghĩa này như một món quà để dành tặng cho các bạn đồng tu, các học trò cũng như những bậc hữu duyên gần xa.

Trên con đường tu học, sự chia sẻ và chỉ dạy của các bậc cao đức cho những chỗ thiếu khuyết sẽ giúp cho hàng hậu học thâm nhập được tinh thần cốt tủy mà chư Phật, chư Tổ đã truyền trao.

Chính vì thế, người viết rất mong nhận được sự
chia sẻ, chỉ dạy từ quý vị!

Với tất cả lòng thành,

Mùa Phật Đản 2021

Tỳ-kheo Thích Thắng Giải

GIẢI NGHĨA
KINH KIM CANG BÁT NHÃ
BA LA MẬT ĐA
(CHỦ YẾU SỬ DỤNG BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT
CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ QUANG)



Giải thích tên kinh

Kim Cương (Kim Cang) là một chất rất cứng và sắc bén, có thể phá nát được các vật khác nhưng các vật khác không thể nào phá hoại được nó.

Bát-nhã là trí tuệ, trí tuệ gồm có hữu lậu và vô lậu. Bát-nhã là trí tuệ vô lậu.

Ba La Mật Đa gồm có bốn nghĩa:

Đáo bỉ ngạn: Nghĩa là đến bờ kia. Bờ bên này dụ cho sinh tử; bờ bên kia là chỉ cho Niết-bàn.

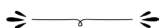
Viễn ly: Do an trú trong trí tuệ vô lậu nên xa lìa hết thấy các tướng hư vọng, sinh diệt của năm thủ uẩn nên đạt Niết-bàn.

Độ vô cực: Do an trú trong trí tuệ vô lậu nên đoạn trừ phần đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử (Đạt niết bàn tuyệt đối).

Cứu cánh: Do an trú trong trí tuệ vô lậu tu tập nên đạt được thật tướng của Bát-nhã hay Niết-bàn.

Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật là bản kinh mô tả trí tuệ vô lậu hoặc chân tâm sẵn có nơi mỗi chúng sinh hữu tình. Chính

trí tuệ vô lậu này có thể đoạn tận khổ đau nên được ví như kim cương.



Giải thích nội dung văn kinh:

Nhân duyên pháp hội

Chánh văn:

Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Thế Tôn ở nước Xá Vệ, trong vườn của trưởng giả Cấp Cô Độc và rừng cây của thái tử Kỳ Đà, cùng có mặt với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo.

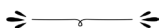
Giải nghĩa:

Ngài A-nan đã nghe kinh này từ Đức Thế Tôn ở nước Xá Vệ, trong vườn của trưởng giả Cấp Cô Độc và rừng cây của thái tử Kỳ Đà, đại chúng có mặt gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

Chánh văn:

Bấy giờ đã đến giờ khát thực, Đức Thế Tôn choàng y, ôm bình bát đi vào thành phố Xá Vệ để khát thực. Ở trong thành ấy, Ngài tuần tự khát thực xong, liền trở về lại

trú xứ. Thọ trai xong, Ngài dọn dẹp y bát, rửa chân, trái tọa cụ mà ngồi.



Thư hỏi và trả lời

Chánh văn:

Lúc ấy ở trong đại chúng, trưởng lão Tu Bồ Đề, từ chỗ ngồi đứng dậy, vất vạt y để lộ vai phải, đầu gối bên phải quỳ xuống chầm đất, hai tay chấp lại cung kính mà thưa với Đức Thế Tôn rằng: “Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc hiếm có, Như Lai hộ niệm đặc biệt cho các vị Bồ-tát, giao phó đặc biệt cho các vị Bồ-tát”.

Giải nghĩa:

Hộ niệm, giao phó cho các vị Bồ-tát nghĩa là Đức Phật dạy các vị Bồ-tát phải luôn an trú trong Bát Nhã Ba La Mật (Trí tuệ vô lậu).

Chánh văn:

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người thiện nam và thiện nữ nào muốn phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thì làm sao có thể an trụ và

làm sao hàng phục được tâm mình?

Giải nghĩa:

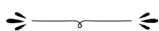
Những thiện nam, thiện nữ có niềm tin nơi Tam Bảo, phát tâm tu tập để đạt các thánh quả giải thoát cho đến thành Phật thì họ làm thế nào để an trụ trong chân tâm và hàng phục, đoạn trừ được vọng tâm (năm thủ uẩn)?

Chánh văn:

Phật nói: Hay lắm Tu Bồ Đề! Thật đúng như lời Thầy nói, Như Lai đã hộ niệm đặc biệt cho các vị Bồ-tát, đã giao phó đặc biệt cho các vị Bồ-tát.

Giải nghĩa:

Đức Thế Tôn khen ngợi ngài Tu Bồ Đề đã hiểu được ý của Phật.



Giáo lý xuyên suốt

Chánh văn:

Nay Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ vì Thầy mà nói: Thiện nam hay thiện nữ nào phát khởi tâm Vô Thượng Bồ Đề thì họ phải an

trú tâm và hàng phục tâm như thế nào?

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy đại chúng phải nhất tâm lắng nghe: Nếu thiện nam hay thiện nữ có tín tâm sâu xa đối với Tam Bảo, phát tâm tu tập mong thành tựu các thánh quả cho đến quả vị Phật thì họ an trú trong chân tâm để hàng phục, đoạn trừ vọng tâm (sự tập khởi năm thủ uẩn).

Chánh văn:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Chúng con ước muốn được nghe Ngài dạy.

Giải nghĩa:

Đại chúng đều khao khát muốn nghe Đức Phật chỉ dạy.

Chánh văn:

Đức Phật dạy Tu Bồ Đề rằng:

Các Bồ-tát đại sĩ phải hàng phục tâm của mình như thế này: “Có tất cả bao nhiêu chúng sinh, nào sinh ra từ trứng, hoặc sinh ra từ thai, hoặc sinh ra từ ẩm thấp, hoặc sinh ra từ sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tướng,

hoặc không có tướng, hoặc chẳng phải có tướng cũng chẳng phải không có tướng, ta đều khiến nhập Niết-bàn vô dư, mà diệt độ chúng. Diệt độ vô lượng vô số chúng sinh như vậy đó mà thực không thấy có chúng sinh nào được diệt độ”.

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy các vị Bồ-tát lớn cần an trú trong Bát-nhã Ba La Mật (trí tuệ vô lậu), đoạn trừ tất cả chúng sinh tâm (sự tập khởi của năm thủ uẩn) để đạt được Niết-bàn. Bồ-tát an trú trong Niết-bàn nên không khởi ý niệm được diệt độ.

Lại nữa, Bồ-tát an trú trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để giáo hóa chúng sinh bằng vô số các phương tiện như tài thí, pháp thí và vô úy thí nhưng không sinh khởi khái niệm thực hành các hạnh bố thí. Vì sao? Vì Bồ-tát luôn an trú trong Bát Nhã Ba La Mật.

Chánh văn:

Bởi vì sao? Tu Bồ Đề! Nếu Bồ-tát còn có ý tưởng về ngã, về nhân, về chúng sinh

và về thọ giả thì vị ấy không phải là Bồ-tát.

Giải nghĩa:

Ngã tướng (tướng): Đó là những khái niệm sai lầm về một tự ngã, sản phẩm của tưởng tượng, có gốc rễ từ vô minh.

Nhân tướng (tướng): Đó là khái niệm hay ý tưởng về con người. Bởi con người không phải chỉ được tạo nên từ những yếu tố vật chất mà còn tạo nên bởi những yếu tố phi vật chất.

Chúng sinh tướng (tướng): Đó là khái niệm hay ý tưởng về chúng sinh, chúng sinh là chỉ cho hết thấy chúng sinh đang lưu chuyển trong sinh tử, bao gồm những bậc thánh chưa đoạn tận hết những khổ đau.

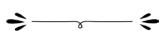
Thọ giả tướng (tướng): Thọ giả tướng hay mạng giả tướng là có ý tưởng hay khái niệm về thọ mạng của con người hay của chúng sinh bắt đầu có mặt từ khi mới sinh ra và tồn tại cho đến khi chết. Cho rằng, sự tồn tại của sinh mệnh chỉ trong khoảng

thời gian ấy gọi là thọ mạng tướng hay thọ giả tướng.

Khái niệm rằng sinh mệnh không tồn tại sau khi chết hoặc sinh mệnh sẽ bất tử sau khi chết, sinh mạng của loài người sau khi chết sẽ vẫn tái sinh làm người, sinh mạng của các loài vật vẫn tái sinh làm loài vật, đó gọi là khái niệm mạng giả tướng.

(Phần lược giải bốn tướng này được trích từ Kinh Kim Cang theo chú giải của Hòa Thượng Thích Thái Hòa)

Nếu sinh khởi ý niệm về ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thì vị ấy không an trú trong trí vô lậu nên không phải là Bồ-tát. Bồ-tát cần an trú trong Bát Nhã Ba La Mật để tu tập, giáo hóa chúng sinh và cầu quả vị Phật.



Hạnh vô tướng

Chánh văn:

“Lại nữa Tu Bồ Đề! Bồ-tát phải làm bố thí nhưng không trụ ở nơi bất cứ một chỗ

nào. Nghĩa là không trụ ở sắc mà bố thí, không trụ ở thanh, hương, vị, xúc và pháp mà bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ-tát phải không trụ tướng mà bố thí như vậy”.

Giải nghĩa:

Trụ ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp là sống với trí hữu lậu. Không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp là an trú trong chân tâm không sinh diệt. Bồ-tát bố thí tài thí, pháp thí và vô úy thí mà không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Đồng nghĩa với Bồ-tát luôn an trú trong trí vô lậu (Bát-nhã) để hành các hạnh bố thí.

Bồ-tát an trú trong chân tâm tu tập, giáo hóa chúng sinh nên trong cái thấy chỉ là cái thấy, nghe chỉ là cái nghe, người chỉ là cái người, nếm vị chỉ là cái nếm vị, xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, biết chỉ là cái nhận biết.

Chánh văn:

“Bởi vì sao? Nếu Bồ-tát bố thí không trụ tướng thì phước đức ấy không thể nghĩ bàn.

Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Hư không thuộc về phương Đông có thể nghĩ lường được chăng? Bạch Thế Tôn! Không.

Tu Bồ Đề! Hư không thuộc về phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn phương trên dưới có thể nghĩ lường được chăng? Bạch Thế Tôn! Không.

Tu Bồ Đề! Bồ-tát bố thí không trụ tướng, phước đức cũng nhiều như vậy, không thể lường được.

Tu Bồ Đề! Bồ-tát an trú tâm đúng như những điều vừa chỉ dạy”.

Giải nghĩa:

Bồ-tát an trú trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để tu tập, bố thí tài thí, pháp thí và vô úy thí thì phước đức rộng lớn như hư không không thể nghĩ lường được. Vì sao có phước đức lớn? Bởi Bồ-tát an trú trong trí tuệ vô lậu để hành các pháp bố thí. Đây là ý nghĩa mà Đức Phật dạy các vị Bồ-tát cần an trú trong trí tuệ vô lậu để tu tập cũng như giáo hóa chúng sinh.

Thấy đúng như lý

Chánh văn:

“Tu Bồ Đề! Thấy nghĩ sao? Có thể nhìn thấy Như Lai qua thân tướng không?”

Bạch Thế Tôn! Không. Không thể thấy Như Lai bằng thân tướng.

Bởi vì sao? Vì Như Lai đã dạy, thân tướng tức chẳng phải thân tướng”.

Giải nghĩa:

Sắc thân (báo thân và ứng thân) không phải là thân chân thật của Như Lai, pháp thân mới là thân chân thật của Như Lai.

Chánh văn:

Phật bảo Tu Bồ Đề: Tất cả những gì có tướng đều hư dối.

Giải nghĩa:

Tất cả các pháp hữu vi là duyên sinh nên vô thường, thay đổi và tàn hoại.

Chánh văn:

Nếu thấy các tướng là không phải tướng, tức thấy Như Lai.

Giải nghĩa:

Chúng ta an trú trong trí tuệ vô lậu

(Bát-nhã) để tu tập nên trong cái thấy chỉ là cái thấy, nghe chỉ là cái nghe, ngửi chỉ là cái ngửi, nếm vị chỉ là cái nếm vị, xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, biết chỉ là cái nhận biết. Hoặc ta nhìn thấy tất cả các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, dài ngắn... mà tâm không sinh khởi ý niệm phân biệt. Đó chính là cái thấy Như Lai của chính mình. Điều này đúng như lời Đức Phật dạy trong Kinh Lăng Nghiêm:

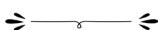
“A-nan, nay tôi lại hỏi ông, các người trong thế gian nói: “Tôi hay thấy”. Thế nào gọi là thấy? Thế nào là chẳng thấy?”

A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, người trong thế gian nhân có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn mà thấy các tướng gọi là thấy. Nếu lại không có ba thứ ánh sáng này thì không thể thấy”.

A-nan, nếu khi không có ánh sáng thì gọi là không thấy, thì đáng lẽ không thấy tối. Nếu thấy tối thì chỉ là không có ánh sáng, sao gọi là không thấy? A-nan, nếu khi tối vì không thấy ánh sáng mà gọi là không

*thấy, vậy ngay trong lúc sáng không thấy
tương tối lại cũng phải gọi là không thấy.
Nếu hai tương sáng tối tự lẫn át nhau, thì
tính thấy của ông ở trong ấy không phải
tạm không. Như thế, ắt biết cả hai đều gọi
là thấy, tại sao nói là không thấy?*

*Thế nên, A-nan! Nay ông phải biết, khi
thấy sáng cái thấy không phải là sáng; khi
thấy tối cái thấy không phải là tối; khi thấy
hư không, cái thấy không phải là hư không;
khi thấy bít lấp cái thấy không phải là bít
lấp”.*



Lòng tin chân thật hiếm có

Chánh văn:

*Trưởng lão Tu Bồ Đề thưa với Đức
Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Trong tương lai,
liệu có chúng sinh nào nghe pháp này mà
phát sinh lòng tin chân thật chăng?*

*Phật bảo Tu Bồ Đề, Thầy đừng nói thế!
Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, năm trăm
năm sau, sẽ có những người trì giới, tu*

phước, thì đối với pháp này có thể sinh tín tâm cho đây là chân thật. Thấy phải biết rằng những người như vậy đã gieo trồng căn lành không phải chỉ nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật mà chính là đã gieo trồng căn lành nơi vô số ngàn muôn vị Phật. Những người như vậy, khi nghe được pháp này, dù chỉ trong một niệm lãnh hội được chánh kiến vô lậu.

Giải nghĩa:

Trí tuệ vô lậu vốn sẵn có nơi mỗi con người nhưng chính họ lại khó có niềm tin về sự thực này. Nên ngài Tu Bồ Đề thưa với Đức Thế Tôn: Liệu có những chúng sinh khi nghe pháp Bát Nhã Ba La Mật mà phát sinh lòng tin chân thật chăng? Đức Thế Tôn dạy: Năm trăm năm sau khi Ta nhập Niết-bàn, sẽ có người tin sâu Tam Bảo, phát tâm thực tập các học giới, làm phước, tu tuệ thì khi nghe pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa (trí tuệ vô lậu) có thể tin và lãnh hội được. Chính những người này đã gieo trồng căn lành nơi vô số ngàn muôn Đức Phật.

Trong *Luận Thành Duy Thức*, ở lộ trình thể nghiệm duy thức tánh, các bậc tổ sư đã giải thích: Trong vô số kiếp thứ nhất, Bồ-tát phải tu tập phước và trí cho viên mãn thì mới đạt được chân kiến đạo (tức vô phân biệt trí).

Trong *Đại Thừa Khởi Tín Luận* nhấn mạnh: “*Bồ-tát ấy từ chánh tín ban đầu trở đi ở trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất sắp đầy đủ, đối với pháp chân như sự thâm hiểu được hiện tiền và chỗ tu đều là lìa tướng*”.

Thời gian một A-tăng-kỳ kiếp hành giả phải tu tập phước và trí khi đầy đủ thì mới đạt được sơ địa (chân kiến đạo).

Chánh văn:

“Tu Bồ ĐỀ! Như Lai biết hết, thấy hết các chúng sinh ấy được vô lượng phước đức.

Bởi vì sao? Các chúng sinh ấy không còn tướng ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả, không có ý niệm về pháp và cũng không có ý niệm về phi pháp”.

Giải nghĩa:

Nếu ai lãnh hội được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) thì vị ấy được vô lượng phước đức. Bởi vì nương nơi nhân trí tuệ vô lậu để tu tập nên hành giả đạt được các thánh quả giải thoát. Hành giả an trú trong trí tuệ vô lậu nên không sinh khởi ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, cũng như không sinh khởi ý niệm về pháp hay không phải pháp.

Chánh văn:

Bởi vì sao? Vì các chúng sinh này còn có ý niệm, thì họ còn bị kẹt vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ mạng, và nếu tâm của họ còn có ý niệm về pháp, thì họ vẫn còn bị kẹt vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ mạng. Tại sao? Nếu tâm của họ còn có ý niệm không phải pháp thì họ cũng bị kẹt vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ mạng.

Giải nghĩa:

Khi hành giả an trú trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) không sinh khởi ý niệm cho rằng đây là trí tuệ vô lậu hay không phải trí tuệ

vô lậu. Nếu trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) mà sinh khởi ý niệm cho rằng đây là trí tuệ vô lậu tức chưa phải là trí tuệ chân thật bởi vẫn còn kẹt trong ý niệm sinh diệt. Vì thế, Đức Phật dạy không nên sinh khởi ý niệm pháp hay không phải pháp.

Chánh văn:

Vì vậy không nên giữ lấy pháp, không nên giữ lấy phi pháp.

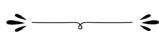
Do ý nghĩa này, nên Như Lai thường hay nói với các vị Tỳ-kheo: “Quý vị phải biết, pháp tôi nói ví như chiếc bè, pháp còn phải buông bỏ huống là không phải pháp”.

Giải nghĩa:

“Pháp” ở đây là pháp Bát Nhã Ba La Mật (trí tuệ vô lậu). “Phi pháp” là sự tập khởi của năm thủ uẩn (vọng tâm). Các thiện pháp hữu lậu cũng chưa phải là pháp chân thật.

Chúng ta an trú trong chân tâm (pháp) để đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn (phi pháp). Khi sự tập khởi của năm thủ uẩn được đoạn trừ hoàn toàn, chúng ta sống

được trong chân tâm rỗng lặng không sinh diệt. Ở trong đó ý niệm đạt được chân tâm, chúng được chân tâm cũng phải được đoạn trừ. Đó là ý nghĩa “pháp còn phải buông bỏ huống là không phải pháp”.



Không chứng đắc và không thuyết pháp

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ thế nào? Như Lai có chứng đắc Vô Thượng Giác không? Có pháp nào được thuyết bởi Như Lai không?

Trưởng lão Tu Bồ Đề thưa: Đúng như con hiểu ý nghĩa của Phật dạy, thì không có một pháp nào được gọi là Vô Thượng Giác và cũng không có một pháp nào được nói bởi Như Lai.

Giải nghĩa:

Đức Thế Tôn sống viên mãn trong bản giác vô lậu thanh tịnh, và trong ấy, không có một pháp nào được gọi là Vô Thượng Giác. Với bản giác vô lậu thanh tịnh ấy, Đức Phật

tùy theo nhân duyên sai biệt của chúng sinh mà khởi diệu dụng để thuyết pháp nhưng lại không có một pháp gì (không ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng) để thuyết.

Chánh văn:

Bởi vì sao? Vì pháp được nói bởi Như Lai, pháp ấy không thể nắm bắt, không thể diễn đạt, không thể gọi là pháp, không thể gọi là phi pháp.

Giải nghĩa:

Trí tuệ vô lậu không sinh khởi ý niệm cho rằng đây là trí tuệ vô lậu hay không phải là trí tuệ vô lậu. Bởi vì trí tuệ vô lậu là mọi ý niệm pháp hay phi pháp. Đó là ý nghĩa pháp mà Như Lai dạy: “*Pháp ấy không thể nắm bắt, không thể diễn đạt, không thể gọi là pháp hay phi pháp*”.

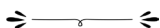
Chánh văn:

Vì sao? Vì tất cả bậc hiền thánh đều từ nơi pháp vô vi mà có những khác biệt.

Giải nghĩa:

Tất cả các bậc hiền thánh đều lãnh

hội trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) làm nhân tu tập để thành tựu các thánh quả như sơ quả (Tu-đà-hoàn), nhị quả (Tư-đà-hàm), tam quả (A-na-hàm) và tứ quả (A-la-hán).



Phước đức hữu lậu và phước đức vô lậu

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Thấy nghĩ thế nào? Nếu có người đem bảy báu đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí, thì phước đức của người ấy có nhiều không? Trưởng lão Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Phước đức ấy là tính phi phước đức. Vì vậy Như Lai nói phước đức nhiều.

Nếu lại có người hành trì chỉ bốn câu kệ trong kinh này và giảng nói cho người khác thì phước đức của người này còn vượt bậc hơn người kia.

Giải nghĩa:

Một người với tâm hữu lậu bố thí bảy báu đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới (tài

thí) thì phước đức rất nhiều. Nhưng nếu có hành giả lãnh hội được chân tâm tu tập, dựa vào kinh điển của Đức Phật để dạy cho người khác kiến đạo, cho dù chỉ dùng bài kệ bốn câu trong kinh (pháp thí), thì phước đức người sau lớn hơn người trước.

Chánh văn:

Tại sao như vậy Tu Bồ Đề? Vì chư Phật và Pháp Vô Thượng Giác của chư Phật đều sinh ra từ kinh này.

Giải nghĩa:

Ba đời chư Phật tu tập và thành tựu viên mãn trí tuệ vô lậu nên chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các bậc hiền thánh trong thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai đều lấy trí tuệ vô lậu làm nhân để tu tập, thành tựu các thánh quả giải thoát.

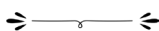
Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Nói Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp.

Giải nghĩa:

Đức Phật dùng vô số phương tiện,

ngôn ngữ văn tự để giáo hóa chúng sinh giúp họ lãnh hội được chân tâm. Đó mới là pháp chân thật trong Phật Pháp. Trong chân tâm không sinh khởi ý niệm cho rằng đây là chân tâm hay không phải chân tâm. Đó là ý nghĩa lời dạy “*Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp*”.



Các Thánh quả Thanh Văn

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Thấy nghĩ như thế nào? Một vị Tu-đà-hoàn có thể nghĩ rằng: Ta đã chứng đắc quả Tu-đà-hoàn không? Tu Bồ Đề thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Không. Vì sao? Tu-đà-hoàn có nghĩa là đi vào dòng, nhưng thật ra không có dòng nào để đi vào cả. Vì không đi vào các dòng sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, nên gọi là Tu-đà-hoàn”.

Giải nghĩa:

Nhờ hành giả kiến đế (tức lãnh hội chánh kiến vô lậu) nên đạt được thánh quả Tu-đà-hoàn. Vị ấy đã đoạn trừ thân kiến,

giới cấm thủ và nghi thuộc phân biệt. Bậc thánh sơ quả luôn an trú trong chánh kiến vô lậu để tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn (vọng tâm) nên không vin bám theo sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vì các ngài luôn an trú trong chánh kiến vô lậu để tu tập nên không sinh khởi ý niệm có chúng, có đấng.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Thấy nghĩ như thế nào? Một vị Tư-đà-hàm có thể nghĩ rằng: Ta đã đắc quả Tư-đà-hàm không? Tu Bồ Đề thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Không. Vì sao? Tư-đà-hàm là một lần đi và một lần trở lại, nhưng thật ra không có đi và trở lại gì cả, nên gọi là Tư-đà-hàm”.

Giải nghĩa:

Bậc thánh Tư-đà-hàm đã tu tập làm giảm mỏng (muội lược) tham, sân và si nơi sự tập khởi năm thủ uẩn. Bậc thánh nhị quả gọi là Nhất Lai. Các Ngài vì chưa hoàn toàn đoạn tận khổ đau nên còn phải qua lại trong sinh tử một lần - Đó là đối với sự

lưu chuyển sinh tử mà nói; còn trong chánh kiến vô lậu hoặc chân tâm thì không sinh khởi ý niệm có sự qua lại.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Thấy nghĩ như thế nào? Một vị A-na-hàm có thể nghĩ rằng: Ta đã đắc quả A-na-hàm không? Tu Bồ Đề thưa: “Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? A-na-hàm có nghĩa là không còn trở lại, nhưng thực ra không phải là không trở lại, nên gọi là A-na-hàm”.

Giải nghĩa:

Bậc thánh A-na-hàm đã đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới. Bậc thánh tam quả gọi là Bất Lai. Các vị sau khi xả bỏ báo thân nơi cõi người sẽ sinh vào Ngũ Tịnh Cư Thiên, nơi đó, các ngài tiếp tục tu tập để đoạn tận khổ đau và đắc quả A-la-hán.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Thấy nghĩ như thế nào? Một vị A-la-hán có thể nghĩ rằng: Ta đã đắc đạo A-la-hán không?

Tu Bồ Đề thưa: “Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì thực ra không có pháp nào tên là A-la-hán.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu vị A-la-hán khởi lên ý niệm rằng: Ta đã đắc quả A-la-hán, là chính vị ấy còn mắc kẹt vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ mạng.

Bạch Thế Tôn! Phật nói trong những người đạt được thiền định vô lậu, con là số một và con cũng là vị A-la-hán ly dục số một.

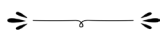
Bạch Đức Thế Tôn! Con không nghĩ rằng, con là vị A-la-hán ly dục.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu con còn nghĩ rằng, con đã đắc đạo A-la-hán, thì Ngài không nói Tu Bồ Đề là người thích hạnh an tịnh; vì Tu Bồ Đề không còn khởi lên tâm hành nào, nên Như Lai gọi con là người ưa sống trong hạnh an tịnh.

Giải nghĩa:

Một vị A-la-hán đã đoạn tận khổ đau (khổ đế, tập đế) nên các ngài sống trong trí tuệ vô lậu hoặc Niết-bàn, an trú trong ấy,

không khởi lên ý niệm đạt được Niết bàn hay A-la-hán.



Trang nghiêm tịnh độ

Chánh văn:

Đức Thế Tôn bảo Tu Bồ Đề rằng: “Thầy nghĩ như thế nào? Ngày xưa Như Lai có đặc pháp gì ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng không?”

Bạch Thế Tôn! Không. Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng thật sự không có đặc pháp gì.

Giải nghĩa:

Chính trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) không sinh khởi ý niệm có chứng, có đắc. Ngày xưa, ở nơi Phật Nhiên Đăng, Đức Thế Tôn nhờ đặc pháp vô lậu này, tu tập, cho đến khi thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Thầy nghĩ như thế nào? Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật chăng?

Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Trang

nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, nên gọi là trang nghiêm.

Giải nghĩa:

Các vị Bồ-tát giáo hóa chúng sinh để trang nghiêm cõi Phật hoặc hỗ trợ cho sự thành tựu trang nghiêm ấy. Nhưng các ngài hằng sống trong trí tuệ vô lậu mà không sinh khởi ý niệm cho rằng có trang nghiêm nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Chánh văn:

Bởi vậy, này Tu Bồ Đề! Chư Bồ-tát Ma Ha Tát phải phát tâm thanh tịnh đúng như vậy. Phát tâm không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Hãy phát tâm đừng mắc kẹt bởi bất cứ cái gì.

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy các vị Bồ-tát an trú trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để tu tập, giáo hóa chúng sinh, cầu quả vị Phật.

Nếu ta an trú trong chân tâm thì sẽ không trụ (mắc kẹt) ở nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Ngược lại, nếu ta sống với trí hữu lậu thì sẽ trụ (mắc kẹt) ở nơi sắc,

thanh, hương, vị, xúc và pháp.

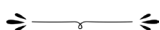
Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Ví dụ người có thân lớn như núi chúa Tu Di, thấy nghĩ như thế nào, thân vị ấy có lớn không?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất lớn. Tại sao? Vì Đức Thế Tôn nói, không phải là thân, mới gọi là thân lớn.

Giải nghĩa:

Cho dù người có sắc thân to lớn như núi chúa Tu Di cũng chưa phải là lớn, vì có tướng nên có giới hạn và có thể đo lường được. Pháp thân là pháp vô lậu, vô tướng nên không có giới hạn và không thể đo lường được nên mới gọi là lớn.



Bổ thí vô lậu

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Ví như trong sông Hằng có bao nhiêu hạt cát và mỗi hạt cát là mỗi sông Hằng, Thấy nghĩ như thế nào, số cát của tất cả sông Hằng như vậy có nhiều

không?

Tu Bồ Đề thưa, bạch Thế Tôn! Rất nhiều, chỉ số lượng sông Hằng đã là vô số, huống nữa là số lượng cát của chúng.

Tu Bồ Đề, ta nay nói lời chân thật với Thầy rằng: Nếu có thiện nam hay thiện nữ đem bảy thứ châu báu chất đầy cả số ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như số cát những sông Hằng ấy mà bố thí, thì phước đức có nhiều không?

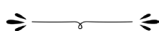
Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Quá nhiều.

Đức Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: Nếu có thiện nam hay thiện nữ ở trong kinh này, cho đến chỉ thọ trì bài kệ bốn câu và đem diễn giảng cho người khác thì phước đức của người này còn nhiều hơn phước đức của người trước.

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy nếu có thiện nam hay thiện nữ dùng tâm hữu lậu để bố thí bảy thứ châu báu (tài thí) đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới như số cát sông Hằng thì

phước đức rất nhiều. Nhưng nếu có thiện nam hay thiện nữ lãnh hội được chân tâm tu tập, dựa vào kinh điển của Đức Phật giảng dạy cho người khác cũng nhận được chân tâm, dù chỉ dùng bài kệ bốn câu (pháp thí), thì phước đức của người sau lớn hơn người trước.



Cúng dường chánh pháp

Chánh văn:

Lại nữa, Tu Bồ Đề, nơi nào giảng thuyết kinh này, dầu chỉ bài kệ bốn câu, phải biết nơi ấy, các giới Trời, Người, A-tu-la trong thế gian, đều phải hướng đến cúng dường, y như cúng dường chùa tháp thờ Phật.

Giải nghĩa:

Bất cứ nơi nào có vị hội được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) hoặc chân tâm để tu tập, đạt được sự rỗng lặng thanh tịnh, rồi dùng kinh điển của Đức Phật làm phương tiện giảng dạy cho người khác kiến đạo, dù chỉ với bài kệ bốn câu, thì chư Thiên, A-tu-la,

loài người quý trọng cúng dường.

Chánh văn:

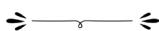
Hướng nữa là có người suốt đời thọ trì, đọc tụng. Tu Bồ Đề! Thấy nên biết rằng, người ấy thành tựu pháp hiếm có, tối thượng, bậc nhất.

Nếu nơi nào có mặt kinh điển này thì nơi đó có mặt của Phật, hoặc có mặt các bậc đệ tử tôn kính, quý trọng của Ngài.

Giải nghĩa:

Bất cứ ai lãnh hội được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) luôn là bậc hiếm có. Vì sao? Trong tất cả các pháp, pháp vô lậu là hiếm có, tối thượng, bậc nhất.

Lại nữa, nếu nơi nào có người hội được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để tu tập, đạt được hoàn toàn vô ngã thì nơi ấy như có Phật, hoặc có các đệ tử tôn kính, quý trọng của Ngài.



Bát-nhã là tên gọi và ý niệm

Chánh văn:

Bây giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa với Đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gì và chúng con phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: Kinh này tên là Kim Cang Bát-nhã Ba La Mật, quý vị phải phụng trì danh hiệu ấy. Nay Tu Bồ Đề, tại sao như vậy? Phật nói Bát-nhã Ba La Mật là không phải Bát-nhã Ba La Mật, nên gọi là Bát-nhã Ba La Mật.

Giải nghĩa:

Bát Nhã Ba La Mật là trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) không sinh diệt. Chính trong trí tuệ ấy không khởi lên ý niệm cho rằng đây là trí tuệ vô lậu. Trí tuệ vô lậu mà lại sinh khởi ý niệm cho rằng đây là trí tuệ vô lậu tức thành hữu lậu, sinh diệt. Thế nên, Đức Phật dạy: *“Bát Nhã Ba La Mật tức không phải Bát Nhã Ba La Mật, nên mới gọi là Bát Nhã Ba La Mật”.*

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ như thế nào?

Như Lai có thuyết pháp không? Tu Bồ Đề thưa: Không, bạch Thế Tôn! Như Lai không có gì thuyết pháp.

Giải nghĩa:

Đức Thế Tôn sống hoàn toàn trong bản giác vô lậu thanh tịnh. Ngài tùy theo nhân duyên sai biệt của chúng sinh để giáo hóa nhưng luôn an trú trong bản giác vô lậu thanh tịnh nên không sinh khởi ý niệm có thuyết pháp.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Thấy nghĩ như thế nào? Tất cả bụi nhỏ trong ba ngàn đại thiên thế giới là nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Quá nhiều.

Này Tu Bồ Đề! Những bụi nhỏ ấy Như Lai nói chẳng phải bụi nhỏ, nên gọi là bụi nhỏ. Như Lai nói thế giới chẳng phải thế giới, nên gọi là thế giới.

Giải nghĩa:

Đức Phật đã ví vọng niệm trong tâm chúng sinh nhiều như bụi bặm trong ba

ngàn đại thiên thế giới. Chúng sinh đã bị vọng niệm che lấp chân tâm không sinh diệt nên không thể đạt được giải thoát. Nếu chúng sinh nhận biết được sự tập khởi của vọng niệm tức chẳng phải vọng niệm thì cái tâm nhận biết được vọng niệm đó là chân tâm.

Thế giới là môi trường, quốc độ mà chúng sinh đang sinh sống. Chúng ta an trú trong chân tâm để nhận biết sự hiện hữu của thế giới, nhưng không khởi lên ý niệm về thế giới, nên gọi là nhìn thấy đúng như thật thế giới.

Đó là ngay ở nơi sự tức lý, lý không là sự; ngay ở nơi sắc tức tánh không của Bát-nhã, tánh không của Bát-nhã không là sắc. Các bậc thánh nhân đã sống trong chân tâm rỗng lặng, ở trong chân tâm ấy, thấy rõ thế giới nhưng lại không sinh khởi ý niệm cho đây là thế giới.

Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu truyền lại bài kệ cho tổ Ma-Noa-La cũng không ngoài lý sự đã nói ở trên:

*“Tâm theo muôn cảnh chuyển,
Chỗ chuyển thật kín sâu,
Theo dòng nhận được tánh,
Không mừng cũng không lo”.*

(Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

Chúng ta phải ở nơi khổ đế, tập đế (năm thủ uẩn) để lãnh hội được đạo đế, diệt đế; ở nơi vô minh, ái và thủ nhận được minh; ở nơi mê nhận giác; ở nơi thức nhận trí; ở nơi dòng vọng tâm sinh diệt nhận được chân tâm bất diệt.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Thấy nghĩ như thế nào? Có thể thấy Như Lai qua ba mươi hai thân tướng không? Thưa không, bạch Thế Tôn! Không thể nhìn thấy Như Lai qua ba mươi hai thân tướng. Tại sao? Vì Như Lai nói ba mươi hai tướng không phải là tướng, nên gọi là ba mươi hai thân tướng.

Giải nghĩa:

Ba mươi hai tướng (tức báo thân và ứng thân) không phải là thân tướng thật của Như Lai. Thân thật của Như Lai là pháp

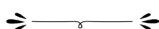
thân vô lậu; pháp thân mới là thân chân thật của Như Lai.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ đem thân mạng mình nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí, và lại có người thọ trì kinh này, cho đến chỉ bốn câu kệ, và đem giảng dạy cho người khác, thì phước đức của người thọ trì, giảng dạy này nhiều hơn phước đức của người bố thí thân mạng kia.

Giải nghĩa:

Nếu có thiện nam hay thiện nữ dùng tâm hữu lậu để bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng thì phước đức rất nhiều và thuộc về tài thí (nội tài). Nhưng nếu có người kiến đạo, tu tập và dùng kinh điển của đức Phật chỉ dạy cho người khác kiến đạo, dù chỉ sử dụng một bài kệ bốn câu (thuộc pháp thí và tâm vô lậu), thì phước đức của người sau nhiều hơn người trước.



Trí tuệ và đức tin chân thật

Chánh văn:

Lúc bấy giờ, Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói kinh này, hiểu đến chỗ nghĩa lý thâm diệu, liền xúc động rơi nước mắt mà bạch Phật rằng: “Thật hiếm có, bạch Thế Tôn! Phật nói kinh điển sâu xa như thế này. Con từ khi có con mắt tuệ cho đến hôm nay, chưa từng được nghe kinh như vậy. Bạch Thế Tôn! Nếu có ai được nghe kinh này với lòng tin thanh tịnh liền hội thật tướng thì phải biết rằng người này thành tựu công đức bậc nhất”.

Giải nghĩa:

Nếu có ai lãnh hội được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) là thành tựu công đức hiếm có bậc nhất. Bởi trong tất cả pháp, pháp vô lậu là tối thượng bậc nhất.

Chánh văn:

Bạch Thế Tôn! Thật tướng ấy là không tướng, cho nên Như Lai nói là thật tướng.

Giải nghĩa:

Trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) là pháp không

tướng, vì không tướng mới là tướng chân thật.

Chánh văn:

Bạch Thế Tôn! Hôm nay con được nghe kinh này, tin hiểu và thọ trì, chẳng phải là khó. Nhưng nếu trong tương lai năm trăm năm về sau, có chúng sinh nào nghe được kinh này mà tin hiểu và thọ trì, thì người ấy mới là hiếm có bậc nhất.

Tại sao? Bởi người này không có ý tưởng về ngã, không có ý tưởng về nhân, không có ý tưởng về chúng sinh và không có ý tưởng về thọ mạng. Vì ngã tướng tức là phi tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng tức là phi tướng.

Giải nghĩa:

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn năm trăm năm, nếu có ai nhận được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để tu tập đoạn trừ ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thì vị ấy là bậc hiếm có bậc nhất.

Chánh văn:

Tại sao thế? Vì xa lìa hết thấy các

tướng nên gọi là Phật.

Giải nghĩa:

Khi hành giả kiến đế sẽ xa lìa được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nhập vào thánh quả thứ nhất (Tu-đà-hoàn); làm cho tham, sân và si ở nơi năm thủ uẩn được giảm mỏng thì đạt nhị quả (Tu-đà-hàm); tiếp tục đoạn trừ năm hạ phần kiết sử là thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong dục giới nên đạt tam quả (A-na-hàm); xa lìa hết sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế, tập đế) đạt tứ quả (A-la-hán). Các bậc đại Bồ-tát xa lìa hết tướng chấp ngã (phiền não chướng) và tướng chấp pháp (sở tri chướng) nên thành Bạc Vô Thượng Giác (Phật).

Chánh văn:

*Phật bảo Tu Bồ Đề: Đúng như vậy!
Đúng như vậy!*

Giải nghĩa:

Đức Phật đã chứng minh lời giải thích của ngài Tu Bồ Đề là đúng với ý Phật.

Chánh văn:

Nếu lại có người nghe kinh này, mà không khiếp đảm, không sợ hãi thì phải biết người như vậy rất là hiếm có.

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy tất cả chúng sinh hữu tình đều có sẵn chân tâm. Nếu có ai nghe Đức Phật dạy như thế mà phát sinh lòng tin cho đó là sự thật thì vị ấy rất là hiếm có. Càng hiếm có hơn nữa khi vị ấy thực tập để lãnh hội được chân tâm vô lậu. Triển khai ý nghĩa sâu sắc này, trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Bồ tát Mã Minh có dạy:

“Nếu người nghe pháp này rồi, không sinh khiếp nhược, nên biết người này quyết định nối dòng giống Phật, ắt sẽ được chư Phật thọ ký.

Giả sử có người hay giáo hóa chúng sinh đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, khiến cho họ tu tập thập thiện, cũng không bằng có người ở trong khoảng bữa ăn, chân chánh tư duy về pháp này (chân như). Công đức của người sau hơn công đức của người

trước không thể nào thí dụ được” (Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch).

Chánh văn:

Tại sao? Tu Bồ Đề! Như Lai nói đệ nhất Ba La Mật tức chẳng phải đệ nhất Ba La Mật, nên gọi là đệ nhất Ba La Mật.

Giải nghĩa:

Trong tất cả các pháp, Ba La Mật hay trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) là tối thượng bậc nhất. Trí tuệ vô lậu không khởi lên ý niệm cho rằng đây là trí tuệ vô lậu, cũng vậy, nếu Ba La Mật lại sinh khởi ý niệm cho đây là Ba La Mật thì trở thành pháp sinh diệt, vì sinh diệt nên không phải là Ba La Mật. Ba La Mật là không khởi lên ý niệm cho đây là Ba La Mật mới gọi là Ba La Mật.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Nhẫn nhục Ba La Mật, Như Lai nói chẳng phải nhẫn nhục Ba La Mật.

Tại sao? Nay Tu Bồ Đề! Như xa xưa bị vua Ca Lợi chặt đứt thân thể, lúc ấy ta không có ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sinh tướng và không thọ giả

tướng.

Tại sao? Lúc xưa, khi thân thể bị cắt đứt từng phần, nếu ta có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng thì sẽ sinh giận dữ oán hận.

Này Tu Bồ Đề! Ta nhớ năm trăm đời trong quá khứ, Ta đã từng là vị tiên nhân nhẫn nhục. Trong thời gian đó, ta không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng.

Giải nghĩa:

Bậc thánh Tu-đà-hoàn, bậc thánh Tu-đà-hàm, bậc thánh A-na-hàm không thể đạt được nhẫn nhục Ba La Mật vì trong tâm sự chấp ngã vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn. Bậc thánh A-la-hán câu phân giải thoát hoặc Bồ-tát bất động địa (địa thứ tám trong mười địa) mới đạt được nhẫn nhục Ba La Mật vì các Ngài đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng).

Chánh văn:

Vì lý do ấy, này Tu Bồ Đề! Bồ-tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì phải xa lìa tất

cả các tướng. Phát tâm không trụ vào sắc, phát tâm không trụ vào thanh, hương, vị, xúc và pháp, hãy phát tâm không nên trụ vào bất cứ một cái gì.

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy các vị Bồ-tát an trú trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) tu tập, giáo hóa chúng sinh để cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Chánh văn:

Nếu tâm có chỗ trụ, tức chẳng phải chỗ trụ.

Giải nghĩa:

Bồ-tát nếu tâm còn khởi ý niệm có chúng, có đắc thì không phải chỗ trụ của các bậc Bồ-tát. Các bậc hiền thánh an trú trong chân tâm tu tập, đoạn trừ khổ đau sinh tử để sống trong Niết-bàn. Khi các ngài đã đạt được chân tâm thì cũng không có ý niệm đạt được chân tâm hoặc Niết-bàn.

Chánh văn:

Vì lý do đó, Đức Phật nói rằng: Bồ-tát bố thí, tâm không trụ vào sắc.

Này Tu Bồ Đề, Bồ-tát vì lợi ích hết thấy

chúng sinh, nên phải bố thí với tâm như vậy.

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy, các vị Bồ-tát phải an trú trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) tu tập, giáo hóa chúng sinh với phương tiện tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Chánh văn:

Như Lai nói tất cả các tướng là chẳng phải tướng, lại nói tất cả các chúng sinh chẳng phải là chúng sinh.

Giải nghĩa:

Các vị Bồ-tát sống trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để tu tập, giáo hóa chúng sinh nhưng không sinh khởi ý niệm các tướng, hoặc chúng sinh. Bởi vì các ngài luôn sống trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã).

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Như Lai là người nói đúng, nói thật, nói như lời, nói không lừa dối, là người không nói lời biến dị.

Giải nghĩa:

Những gì Đức Thế Tôn dạy không bao

giờ sai với sự thật.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Pháp được chứng đắc bởi Như Lai, pháp ấy không phải thật cũng không phải trống rỗng.

Giải nghĩa:

Trong bản giác vô lậu thanh tịnh không khởi khái niệm là thật, nhưng ở trong ấy lại lưu xuất vô lượng trí tuệ, thần thông diệu dụng nên không phải trống rỗng. Cũng vậy, trí tuệ vô lậu hoặc chân tâm là pháp vô tướng, rỗng lặng nên không phải thật; nhưng ở trong chân tâm vô lậu ấy có đầy đủ trí tuệ diệu dụng vô cùng vì thế nên không phải trống rỗng. Nếu ta cho tâm vô lậu là thật thì lại không có hình tướng gì để nắm bắt; nếu ta cho tâm ấy là trống rỗng thì lại có trí tuệ diệu dụng vô cùng. Cho nên, không thể nói tâm vô lậu ấy là không hay là có. Tâm ấy có mà chẳng phải có; không mà chẳng phải không.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ-tát trụ tâm nơi pháp

mà bố thí thì như người đi vào trong bóng tối chẳng thấy được gì.

Giải nghĩa:

Các vị Bồ-tát nếu còn trụ trong tâm hữu lậu để tu tập, giáo hóa chúng sinh với phương tiện như tài thí và pháp thí thì vị ấy vẫn chưa lìa khỏi vô minh, ái và thủ.

Chánh văn:

Nếu Bồ-tát không trụ tâm nơi pháp mà bố thí thì như người có mắt sáng, khi mặt trời chiếu sẽ thấy rõ các loại hình sắc.

Giải nghĩa:

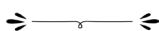
Các vị Bồ-tát an trú trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) tu tập, giáo hóa chúng sinh với tài thí, pháp thí và vô úy thí thì sẽ thành tựu các thánh quả và hướng đến quả vị Phật.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Đòi sau, nếu có thiện nam hay thiện nữ, đối với kinh này có thể thọ trì, đọc tụng, sẽ được Như Lai dùng trí tuệ của Phật biết rõ, thấy rõ những người này đều thành tựu công đức vô lượng vô biên.

Giải nghĩa:

Nếu có thiện nam hay thiện nữ một niệm lãnh hội được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để tu tập thì công đức rất lớn. Đây là nhân để thành tựu các thánh quả cho đến quả vị Phật.



Công đức thọ trì kinh

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ vào buổi sáng đem hàng sa thân mạng để bố thí; vào buổi trưa lại đem hàng sa thân mạng để bố thí và vào buổi chiều cũng đem hàng sa thân mạng để bố thí, dùng thân mạng để bố thí như vậy đến vô lượng trăm ngàn vạn kiếp; nhưng lại có người nghe kinh điển này tin tưởng không sai, thì phước đức của người này vượt hơn phước đức của người bố thí kia, huống nữa lại còn sao chép, thọ trì, đọc tụng và giảng giải cho người khác.

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy nếu có thiện nam hay thiện nữ với tâm hữu lậu vào buổi sáng, buổi trưa và buổi chiều đem hàng sa thân mạng để bố thí, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn kiếp thì phước đức rất lớn nhưng thuộc tài thí (nội tài). Nếu có người kiến đạo, tu tập và dùng kinh điển của đức Phật giảng dạy cho người khác kiến đạo thì thuộc pháp thí và tâm vô lậu nên phước đức người sau lớn hơn người trước.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Tóm lại, kinh này là không thể nghĩ bàn, không thể đo lường, công đức vô biên.

Giải nghĩa:

Trong tất cả các pháp, trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) không sinh diệt là tối thượng bậc nhất. Cho nên, vị nào lãnh hội được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) thì công đức ấy là vô lượng. Chính trí tuệ vô lậu này là nhân tu tập để thành tựu các thánh quả.

Chánh văn:

Như Lai nói kinh này vì người phát tâm đại thừa, vì người phát tâm tối thượng thừa.

Nếu có ai có thể thọ trì, đọc tụng, vì mọi người giảng nói rộng rãi thì Như Lai đều thấy, đều biết, những người này sẽ thành tựu công đức không thể đo, không thể lường, không có giới hạn, không thể nghĩ bàn. Những người như vậy là những người gánh vác pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai.

Giải nghĩa:

Nếu có ai lãnh hội được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để tu tập thì vị ấy mới có thể hiểu rõ được phần nào lời dạy của đức Phật trong kinh điển, rồi lại dùng những phương tiện ấy để giảng bày cho người khác nhận được trí tuệ này thì công đức không thể nghĩ bàn.

Chánh văn:

Vì sao? Tu Bồ Đề! Nếu những ai ưa thích pháp nhỏ, chấp trước ngã kiến, nhân

kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến thì với kinh này không thể nghe, không thể thọ trì, đọc tụng, và diễn giảng cho mọi người.

Giải nghĩa:

Trong tu học, chúng ta hiểu giáo pháp của đức Phật từ các vị thầy giảng dạy, trao truyền cho chúng ta. Nếu người thầy thực tập pháp niệm Phật, niệm hơi thở, trì chú... thì sẽ dạy lại cho đệ tử tu tập theo như vậy. Chánh kiến tu học của người thầy đạt tới đâu sẽ dạy lại cho người học trò tới đó. Nếu ta không tin mình và chúng sinh hữu tình đều có trí tuệ vô lậu thì khi có duyên nghe Kinh Kim Cang, đức Phật dạy về trí tuệ vô lậu (Bát-nhã), người ấy sẽ không tin đó là sự thật. Nếu chúng ta không có trí tuệ vô lậu thì làm sao có thể đoạn trừ được pháp hữu vi - hữu lậu (vọng tâm)?! Vì thế, trong Kinh Kim Cang, Kinh Bát Nhã, Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Hoa... đức Phật dạy rằng: "Tất cả chúng sinh hữu tình đều vốn sẵn có trí tuệ vô lậu". Với ý nghĩa này, vị nào lãnh hội được trí tuệ vô lậu sẽ tin

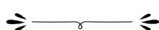
rằng đây là chân lý sự thật.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Bất cứ nơi nào có kinh này, tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian đều phải cúng dường. Phải biết nơi đây tức tháp Phật, phải cung kính làm lễ, đi nhiễu, dùng hương hoa tung rải nơi đây.

Giải nghĩa:

Nếu bất cứ nơi nào có người hội được chân tâm vô lậu tu tập, đạt được các thánh quả giải thoát thì vị ấy sẽ được chư Thiên, A-tu-la và những người trong thế gian cung kính, cúng dường.



Có khả năng làm sạch nghiệp chướng

Chánh văn:

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ thọ trì, đọc tụng kinh này, mà bị người khinh dễ thì phải biết đời trước đã tạo tội đáng đoạ vào đường dữ, nhưng nay bị người khinh chê mà tội nghiệp đời trước được tiêu diệt và sẽ được Vô Thượng

Bồ Đề.

Giải nghĩa:

“Tôi nghiệp đời trước, dụ cho niệm trước khởi vọng tâm. Người đời nay khinh chê là dụ cho niệm sau giác ngộ; sau giác ngộ là ăn năn vọng tâm trước. Nếu tâm trước đã diệt thì hồi sau cũng diệt. Hai niệm đã không còn, tức là công đức của người trì kinh đầy đủ, liền được Bồ Đề” (Ngũ lục của Thiền sư Thần Hội, Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch).

Tiến trình sinh tử là vô cùng, chúng ta bỏ thân này rồi lại tiếp nối thân khác, không thể biết được bờ mé đó. Trong dòng lưu chuyển ấy, chúng ta đã tạo nên vô số nghiệp nhân thiện ác, rồi dựa vào đó để dẫn ta có mặt hôm nay. Năm thù uẩn (con người) là nghiệp nhân thiện ác của quá khứ, nên gọi là nghiệp cũ. Năm thù uẩn (con người) hiện tại này lại tiếp tục tạo nghiệp, đó là nghiệp mới. Nhờ có niềm tin sâu xa với Tam Bảo, ngày hôm nay, ta một niệm hội được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã), dầu thế, vẫn

không sao tránh khỏi nghiệp cũ đã tạo tác trong quá khứ, khi nhân duyên đầy đủ sẽ thành quả. Nhân - duyên - quả thật khó nghĩ bàn. Khi những điều kiện trái nghịch xảy ra làm cho năm thủ uẩn tập khởi dữ dội như bão tố thì ta an trú trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để nhận biết sự tập khởi của chúng, đoạn trừ chúng. Sự thể nhập trong trí tuệ vô lậu được chừng nào đồng nghĩa với nghiệp cũ được đoạn trừ chừng ấy.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Ta nhớ vô số vô lượng kiếp trong quá khứ, trước khi gặp gỡ Đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai đã gặp tám trăm bốn ngàn vạn ức triệu triệu chư Phật, đối với Đức Phật nào, Như Lai cũng thừa sự cúng dường không hề bỏ qua. Nhưng lại có ai vào thời mạt thế sau này có thể thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức còn hơn công đức ta đã cúng dường chư Phật. Công đức của Như Lai so với công đức của người kia không bằng một phần trăm, phần ngàn, phần vạn ức cho đến dùng thí dụ toán số

cũng không so sánh được.

Giải nghĩa:

Vô lượng kiếp quá khứ trước khi gặp Phật Nhiên Đăng, Đức Thế Tôn đã phụng sự cúng dường tám trăm bốn ngàn vạn ức triệu triệu chư Phật, phước đức ấy thật vô lượng, vô biên. Nhưng Đức Phật lại dạy vào thời mạt thế sau này, nếu có ai nhận được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) tu tập thì công đức sẽ lớn hơn công đức mà Đức Phật đã phụng sự cúng dường chư Phật trong quá khứ.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ ở thời mạt thế về sau, đối với kinh này có khả năng thọ trì, đọc tụng thì công đức của họ đạt được, nếu Như Lai nói đầy đủ, hoặc có người nghe, tâm của họ sẽ nổi lên cuồng loạn, hồ nghi và không tin.

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy vào thời mạt thế về sau, nếu có thiện nam hay thiện nữ hội được chân tâm tu tập thì công đức không thể nghĩ bàn. Nếu nói đầy đủ về công đức của

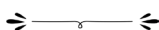
một hành giả lãnh hội được chân tâm cho những người chưa có duyên lành, sau khi nghe, vì không hiểu, sẽ sinh tâm cuồng loạn, nghi ngờ và không tin là thật.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Phải biết ý nghĩa của kinh này là không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Giải nghĩa:

Nghĩa lý của Kinh Kim Cương là trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) không sinh diệt. Vị nào lãnh hội được trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) làm nhân để tu tập thì mới đạt được các thánh quả giải thoát. Khi một vị lãnh hội được trí tuệ vô lậu cũng đồng thời nhận được nhân vô lậu (giải thoát) thì quả báo của vị ấy tương ứng với quả vô lậu (giải thoát).



Trí tuệ vô lậu đối với hạnh Bồ-tát

Chánh văn:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam

hay thiện nữ đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thì phải an trụ tâm như thế nào và phải làm sao để hàng phục tâm họ?

Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Thiện nam hay thiện nữ đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thì phải sinh tâm như thế này: “Ta phải diệt độ tất cả chúng sinh, diệt độ tất cả chúng sinh rồi, mà không thấy có một chúng sinh nào được diệt độ”.

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy, nếu thiện nam hay thiện nữ phát tâm thành tựu quả vị Phật thì cần an trú trong chân tâm để tu tập đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của năm thủ uẩn, thể nhập trong chân tâm, nên ở trong ấy, không thấy có đoạn, có chứng.

Lại nữa, Bồ-tát phải dùng trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để giáo hóa chúng sinh, giúp họ lãnh hội được Đạo Vô Sinh nhưng vì luôn sống trong trí tuệ vô lậu nên không sinh khởi ý niệm cho rằng đó là những chúng sinh đã được chính mình dạy bảo.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề, tại sao? Nếu Bồ-tát còn có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng tức chẳng phải Bồ-tát.

Giải nghĩa:

Nếu còn sống với tâm hữu lậu để tu tập, giáo hóa chúng sinh thì chưa phải là một vị Bồ-tát đích thực. Tại sao? Bởi Bồ-tát ấy chưa lìa khỏi vô minh, ái và thủ, tức còn kẹt vào ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề, tại sao? Vì thật không có pháp nào gọi là người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Giải nghĩa:

Thiện nam hay thiện nữ cần phát tâm tu tập hướng đến quả vị Phật (về mặt sự mà nói). Nhưng trong ý nghĩa của trí tuệ vô lậu (về lý) thì lại không có một pháp gì gọi là người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đây chính là ý nghĩa của pháp vô vi – vô lậu.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề, Thấy nghĩ sao? Ở nơi Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đặc pháp Vô Thượng Bồ Đề không? Không, bạch Đức Thế Tôn! Như con hiểu ý nghĩa lời dạy Thế Tôn thì Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng không có đặc pháp nào gọi là Vô Thượng Bồ Đề cả.

Đức Thế Tôn dạy: Đúng thế, đúng như thế.

Này Tu Bồ Đề! Thật không có pháp nào gọi là Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có pháp gì gọi là Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề thì Đức Phật Nhiên Đăng không thọ ký cho Như Lai rằng: Đời sau Thấy sẽ thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni.

Bởi thật không có pháp gì Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề nên Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho ta rằng: Đời sau Thấy sẽ thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni.

Giải nghĩa:

Trong trí tuệ vô lậu không khởi ý niệm

có chứng, có đắc. Chư vị Bồ-tát cũng như các bậc hiền thánh luôn sống với trí tuệ vô lậu để tu tập, đạt được các thánh quả cho đến quả vị Phật.

Chánh văn:

Tại sao? Vì Như Lai là nghĩa như của các pháp.

Giải nghĩa:

Chúng ta an trú trong trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) nên khi thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm đúng như thực tại của các pháp. Đây là ý nghĩa “Như Lai là nghĩa như của các pháp”.

Chánh văn:

Nếu có ai nói Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề thì này Tu Bồ Đề, thật không có pháp gì gọi là Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Pháp Vô Thượng Bồ Đề Như Lai đạt được, trong đó không có thật cũng không phải trống rỗng.

Giải nghĩa:

Đức Phật sống viên mãn trong bản giác vô lậu thanh tịnh mà thành tựu quả vị Phật.

Nhưng trong bản giác vô lậu thanh tịnh ấy không có một tướng, vì thế, nên không có một pháp gì gọi là Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi bản giác vô lậu thanh tịnh là pháp vô tướng, vì thế, nên nói là không phải thật. Nhưng trong bản giác vô tướng ấy lại có vô lượng trí tuệ diệu dụng công đức hàng sa, nên nói là không phải trống rỗng.

Cũng vậy, chân tâm là pháp vô tướng, vì vô tướng nên nói là không phải thật. Nhưng trong chân tâm bất diệt ấy lại có trí tuệ công đức vô lượng, nên nói là không phải trống rỗng.

Chánh văn:

Vì vậy Như Lai nói tất cả các pháp đều là Phật Pháp.

Giải nghĩa:

Nếu chúng ta an trú trong trí tuệ vô lậu để thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm thì tất cả các pháp đều là Phật Pháp (pháp vô lậu). Trái lại, nếu chúng ta sống với trí hữu lậu, dù là thiện hay bất thiện, để thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm thì tất cả các

pháp đều là pháp hữu lậu, không phải pháp chân thật (Phật Pháp – pháp vô lậu).

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nói tất cả pháp tức chẳng phải tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp.

Giải nghĩa:

Chúng ta an trú trong chân tâm để tiếp xúc tất cả pháp, nhưng ở trong ấy, không khởi lên khái niệm đối với tất cả pháp nên mới thấy được thực tại chân thực của các pháp.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Ví như thân người cao lớn. Tu Bồ Đề thưa: “Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn tức chẳng phải thân cao lớn, nên mới gọi là thân cao lớn”.

Giải nghĩa:

Thân người cao lớn tức chẳng phải thân cao lớn, bởi đó là pháp hữu vi nên có tướng vì vậy vẫn có giới hạn và có thể đo lường được. Pháp thân là pháp vô vi - vô tướng, vì vô tướng nên mới thực là lớn.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Bồ-tát cũng như vậy. Nếu cho rằng, ta sẽ độ thoát chúng sinh vô lượng thì không gọi là Bồ-tát.

Giải nghĩa:

Bồ-tát tu tập, giáo hóa chúng sinh nhưng nếu sinh khởi khái niệm (vọng tâm) cho rằng đó là những chúng sinh đã được mình giáo hóa thì chưa phải là vị Bồ-tát chân thật. Bởi vị Bồ-tát ấy chưa lìa khỏi vô minh, ái và thủ.

Chánh văn:

Tại sao? Thật không có một pháp nào được gọi là Bồ-tát. Cho nên Đức Phật dạy tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sinh và không thọ giả.

Giải nghĩa:

Bồ-tát tu tập, đạt được trí tuệ vô lậu nên ở trong pháp vô lậu, vô tướng ấy không có một pháp gì được gọi là Bồ-tát. Bởi các vị Bồ-tát an trú trong trí tuệ vô lậu để tu tập nên không sinh ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ-tát cho rằng, ta phải trang nghiêm cõi Phật thì vị ấy không phải là Bồ-tát.

Giải nghĩa:

Bồ-tát tu tập, giáo hóa chúng sinh với các phương tiện tài thí, pháp thí và vô úy thí để trang nghiêm cõi Phật hoặc hỗ trợ cho sự thành tựu trang nghiêm ấy nhưng nếu sinh khởi ý niệm là để trang nghiêm cõi Phật thì không gọi là Bồ-tát. Bởi vị Bồ-tát ấy chưa đoạn trừ tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả.

Người nam hay người nữ đã tạo nghiệp cực ác sẽ dẫn đến quả báo nơi các cõi địa ngục trong hiện tại và tương lai, sau khi thân hoại mạng chung họ sẽ sinh vào đó. Thiện nam, thiện nữ có tín tâm với Tam Bảo, phát tâm thực tập năm giới sẽ hỗ trợ cho sự thành tựu quả báo ở cõi người trong tương lai sau khi xả bỏ báo thân. Nếu hành giả thực tập mười thiện pháp, bốn mươi thiện pháp sẽ hỗ trợ cho sự thành tựu các

cõi chư thiên trong dục giới. Khi hành giả tu tập đạt sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên sẽ hỗ trợ cho sự thành tựu các quốc độ chư thiên cõi sắc giới; tu tập đạt các thiên định không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ sẽ hỗ trợ sự thành tựu các quốc độ chư thiên cõi vô sắc. Chỉ khi hành giả kiến đạo, tu đạo và thành tựu viên mãn trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) mới trang nghiêm tịnh độ hoặc hỗ trợ cho sự trang nghiêm cõi Phật.

Chánh văn:

Tại sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật là không trang nghiêm, nên gọi là trang nghiêm.

Giải nghĩa:

Bồ-tát sống trong trí tuệ vô lậu tu tập, giáo hóa chúng sinh bằng vô số phương tiện để trang nghiêm cõi Phật hoặc hỗ trợ cho sự thành tựu trang nghiêm cõi Phật. Nhưng các vị vẫn thường an trú trong trí tuệ vô lậu mà không sinh khởi ý niệm có trang nghiêm cõi Phật nên mới gọi là trang

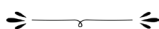
nghiêm cõ Phật.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ-tát thấu triệt được các pháp là vô ngã, Như Lai gọi vị ấy là Bồ-tát đích thực.

Giải nghĩa:

Vì các vị Bồ-tát an trú trong trí tuệ vô lậu đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên mới gọi là vị Bồ-tát đích thực.



Trí tuệ Như Lai

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề, Thấy nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có nhục nhãn.

Này Tu Bồ Đề, Thấy nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có thiên nhãn.

Này Tu Bồ Đề, Thấy nghĩ sao? Như Lai có tuệ nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có tuệ nhãn.

Này Tu Bồ Đề, Thấy nghĩ sao? Như Lai

có pháp nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có pháp nhãn.

Này Tu Bồ Đề, Thấy nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn.

Giải nghĩa:

Trong “Thần Hội Ngữ Lục” (Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch) có dạy: “Thấy sắc thanh tịnh gọi là nhục nhãn. Thấy thể thanh tịnh gọi là thiên nhãn. Thấy thể thanh tịnh nơi các chánh định và tám muôn bốn ngàn môn Ba La Mật đều ở trên cái thấy, đồng thời khởi dụng, gọi là tuệ nhãn. Thấy thể thanh tịnh, không thấy không có gì chẳng thấy, gọi là pháp nhãn. Thấy chẳng phải tịch, chẳng phải chiếu, gọi là Phật nhãn”.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề, Thấy nghĩ sao? Trong sông Hằng có bao nhiêu cát, Như Lai cũng nói đó là cát phải không? Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, Như Lai gọi đó là cát.

Này Tu Bồ Đề, Thấy nghĩ sao? Như có bao nhiêu cát trong một sông Hằng là

có bấy nhiêu sông Hằng như số cát ấy; và thế giới của chư Phật là như số cát của các sông Hằng, như vậy có nhiều không?

Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Đức Phật dạy Tu Bồ Đề rằng: Trong các cõi nước ấy có bao nhiêu chúng sinh, bao nhiêu tâm tưởng, Như Lai đều biết hết. Tại sao? Như Lai nói các dòng tâm đều chẳng phải tâm, nên gọi là tâm.

Giải nghĩa:

Trong các cõi nước ấy có bao nhiêu chúng sinh và mỗi chúng sinh lại có bao nhiêu tâm tưởng, số tâm tưởng tuy nhiều nhưng tất cả đều chỉ là vọng tâm. Nếu hành giả nhận biết vọng tâm tức chẳng phải tâm chân thật thì cái tâm nhận biết đó chính là chân tâm.

Chánh văn:

Tại sao? Tu Bồ Đề! Không thể có được cái tâm quá khứ, không thể có được tâm hiện tại và không thể có được tâm vị lai.

Giải nghĩa:

Tâm quá khứ, hiện tại và vị lai là vọng

tâm sinh diệt bởi vọng tâm là tâm thuộc về ba thời. Chân tâm là pháp vô lậu, vô tướng nên không thuộc về quá khứ, hiện tại và vị lai.



Phước đức vô lậu

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Nếu có người đem bảy thứ châu báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí thì do nhân duyên này người ấy được phước đức nhiều không?

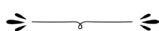
Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Do nhân duyên này, người ấy được phước đức rất nhiều.

Này Tu Bồ Đề! Nếu phước đức là có thật thì Như Lai đã không nói có phước đức nhiều. Bởi phước đức là không, nên Như Lai nói được phước đức nhiều.

Giải nghĩa:

Nếu có ai sống với trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để tu tập và giáo hóa chúng sinh với

các phương tiện như tài thí, pháp thí và vô úy thí thì phước đức này là vô lậu nên lớn hơn phước đức hữu lậu. Thế nên Đức Phật dạy: *“Bởi phước đức là không, nên Như Lai nói được phước đức nhiều”*.



Pháp thân vô tướng

Chánh văn:

Tu Bồ Đề, Thấy nghĩ sao? Có thể nhìn thấy Như Lai qua sắc thân đầy đủ không?

Bạch Thế Tôn! Không. Không thể nhìn thấy Như Lai qua sắc thân đầy đủ. Tại sao? Vì Như Lai nói sắc thân đầy đủ tức chẳng phải sắc thân đầy đủ, nên gọi là sắc thân đầy đủ.

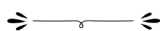
Này Tu Bồ Đề, Thấy nghĩ sao? Có thể đem các tướng đầy đủ mà cho là thấy Như Lai không?

Bạch Thế Tôn! Không. Không nên đem các tướng đầy đủ mà cho là thấy Như Lai. Tại sao? Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, nên gọi là các tướng

đầy đủ.

Giải nghĩa:

Sắc thân (ứng thân và báo thân) của Như Lai có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Đó chưa phải là thân thật của Đức Như Lai. Pháp thân vô lậu – vô tướng mới là thân chân thật của Như Lai.



Pháp và hạnh thuyết pháp của Đức Phật

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Thầy đừng nghĩ rằng: Như Lai có ý niệm, ta sẽ thuyết pháp. Đừng nghĩ như thế. Tại sao? Nếu ai nói Như Lai có thuyết pháp tức phỉ báng Phật, không hiểu điều ta nói. Này Tu Bồ Đề! Thuyết pháp nghĩa là không có gì để thuyết, nên gọi là thuyết pháp.

Giải nghĩa:

Nếu có ai nghĩ rằng Như Lai còn sinh khởi ý niệm “Ta sẽ thuyết pháp” thì vị ấy đang hiểu rất sai lầm. Tại sao? Bởi Đức

Phật sống viên mãn trong pháp thân vô lậu thanh tịnh nên tùy theo nhân duyên của chúng sinh mà khởi dụng dạy bảo nhưng Ngài vẫn hằng sống trong pháp thân vô lậu nên không sinh khởi ý niệm thuyết pháp.

Chánh văn:

Lúc bấy giờ Huệ Mạng - Tu Bồ Đề bạch với Phật rằng: Bạch Thế Tôn, có chúng sinh nào ở trong thời vị lai, khi nghe pháp này phát sinh lòng tin chăng?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Những vị ấy không phải là chúng sinh nhưng cũng không phải là không chúng sinh.

Giải nghĩa:

“Chúng sinh” nghĩa là người đang sống với vô minh, ái và thủ - tức là sống hoàn toàn với năm thủ uẩn. Khi chúng ta hội được chánh kiến vô lậu thì không còn là một chúng sinh phàm phu nữa, nhưng cũng không rời khỏi sự tập khởi của năm thủ uẩn (chúng sinh) mà nhận lại chân tâm vô lậu. Điều này cùng một ý nghĩa tương ứng với lời dạy “phiền não tức Bồ Đề”.

Chánh văn:

Tại sao? Nay Tu Bồ Đề! Chúng sinh, Như Lai nói không phải là chúng sinh, nên gọi là chúng sinh.

Giải nghĩa:

Năm thủ uẩn (con người) là chúng sinh, nếu ta nhận biết được sự tập khởi của năm thủ uẩn thì cái tâm nhận biết này không phải chúng sinh; tâm này chính là chân tâm. Cũng vậy, vô minh, ái và thủ là chúng sinh, nếu ta nhận biết được sự tập khởi của vô minh, ái và thủ thì cái tâm nhận biết này là chân tâm.



Quá và pháp vô tướng

Chánh văn:

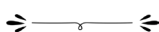
Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Như Lai đắc Tuệ Giác Vô Thượng có phải là cái vô sở đắc không?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy. Nay Tu Bồ Đề! Đối với pháp Vô Thượng Bồ Đề, Như Lai chẳng có tí gì gọi là đạt được,

nên mới gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Ngài Tu Bồ Đề nói: hết cái tâm sở đắc tức là Bồ Đề. Đức Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy. Đối với Bồ Đề, Như Lai thật không có tâm mong cầu, cũng không có tâm nghĩ rằng đạt được, như thế nên được gọi là Vô Thượng Bồ Đề.

Giải nghĩa:

Bởi Đức Thế Tôn sống viên mãn trong pháp thân vô lậu thanh tịnh, ở trong pháp thân vô tướng ấy, không có một pháp gì gọi là đạt được Vô Thượng Bồ Đề.



Thực tập pháp vô lậu

Chánh văn:

Lại nữa, Tu Bồ Đề, pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, nên gọi Vô Thượng Bồ Đề. Dem cái tâm không ngã, không nhân, không chúng sinh và không thọ giả, tu tất cả thiện pháp thì đạt được Vô Thượng Bồ Đề.

Giải nghĩa:

Nếu chúng ta sống với vọng niệm (năm thủ uẩn) để tiếp xúc các pháp thì sẽ có cao, có thấp và không bình đẳng. Nhưng khi chúng ta an trú trong trí tuệ vô lậu để tiếp xúc các pháp thì sẽ bình đẳng không có cao thấp. Chúng ta phải trụ trong trí tuệ vô lậu để tu tập tất cả thiện pháp thì mới đạt được các thánh quả, cho đến thành tựu quả vị Phật.

Chánh văn:

Tu Bồ Đề! Nói thiện pháp, Như Lai bảo chẳng phải thiện pháp mới là thiện pháp.

Giải nghĩa:

Thiện pháp gồm có thiện pháp hữu lậu và thiện pháp vô lậu. Với thiện pháp hữu lậu còn sinh khởi ý niệm cho rằng đây là thiện pháp; trong thiện pháp vô lậu (Bát-nhã) không sinh khởi ý niệm cho đây là thiện pháp vô lậu. Chúng ta an trú trong trí tuệ vô lậu để tu tập, làm tất cả các thiện pháp mà không sinh khởi ý niệm cho rằng đó là những thiện pháp mà mình làm.

Phước hữu lậu và phước vô lậu

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có người đem bảy báu chất đầy như các núi chúa Tu Di trong ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí; và nếu có người thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người khác, dù chỉ bốn câu kệ trong kinh Bát Nhã Ba La Mật này thì phước đức người này so với người trước, gấp trăm ngàn vạn ức lần, cho đến dùng thí dụ toán số cũng không nói hết được.

Giải nghĩa:

Nếu có người với tâm hữu lậu đem bố thí bảy báu chất đầy như núi Tu Di trong ba ngàn đại thiên thế giới thì phước đức vô lượng vô biên nhưng thuộc tài thí. Nếu có hành giả kiến đạo, tu đạo, rồi dựa vào kinh điển của Đức Phật để giảng dạy cho người cũng được kiến đạo, cho dù chỉ dùng bài kệ bốn câu, thì phước đức này thuộc pháp thí và tâm vô lậu. Nên phước đức người sau lớn hơn người trước.



Hóa độ vô trú

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Quý vị đừng nghĩ Như Lai có ý niệm rằng: Ta sẽ độ chúng sinh.

Này Tu Bồ Đề! Đừng nghĩ như thế, tại sao? Thật không có chúng sinh được độ bởi Như Lai cả. Nếu nói có chúng sinh Như Lai độ thì Như Lai có ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả.

Giải nghĩa:

Mọi chúng sinh đều sẵn có trí tuệ vô lậu hoặc chân tâm nhưng không tự nhận lại được. Chính vì thế, Đức Thế Tôn và các thánh nhân đã dùng vô số phương tiện để giáo hóa chúng sinh nhằm giúp họ tu tập các thiện pháp, cho đến khi hội được trí tuệ vô lậu, tu tập, chấm dứt khổ đau. Trong quá trình ấy, các ngài hàng sống trong pháp thân vô lậu nên không khởi lên ý niệm có chúng sinh được giáo hóa.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Như Lai nói có ngã tức

*chẳng phải có ngã mà phàm phu cho là có
ngã.*

Giải nghĩa:

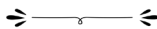
Theo các bản chú giải: Chữ “Ngã” trong câu trên thuộc về một trong bốn đặc tính của Niết-bàn là: Thường Ba La Mật, Lạc Ba La Mật, Ngã Ba La Mật, Tịnh Ba La Mật, tức trí tuệ vô lậu.

Chánh văn:

*Này Tu Bồ Đề! Phàm phu, Như Lai nói
tức chẳng phải phàm phu, nên gọi là phàm
phu.*

Giải nghĩa:

“Phàm phu” ở đây chỉ cho người đang sống với vô minh, ái và thủ. Nếu hành giả nhận biết được sự tập khởi của vô minh, ái và thủ thì tâm nhận biết ấy không phải là phàm phu. Tâm này là chân tâm hay trí tuệ vô lậu.



Pháp thân vô tướng

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề, Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng tốt không?

Tu Bồ Đề thưa: Đúng như vậy, đúng như vậy. Nhìn thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng tốt.

Đức Phật dạy: Này Tu Bồ Đề, nếu nhìn thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng tốt thì vị Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Như con hiểu ý nghĩa được nói bởi Thế Tôn, thì không thể nhìn thấy Như Lai bằng ba mươi hai tướng tốt.

Giải nghĩa:

Sắc thân (ứng thân và báo thân) của Như Lai đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp nhưng cũng chưa phải là thân thật của Như Lai. Pháp thân vô lậu – vô tướng mới là thân chân thật của Như Lai.

Chánh văn:

*Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ rằng:
Trông ta bằng sắc tướng,
Cầu ta bằng âm thanh,
Là người tu tà đạo,
Không thấy được Như Lai.*

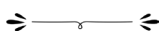
Hoà Thượng Thích Thái Hòa dịch bài
kệ từ bản tiếng Phạn rằng:

*Ai nhìn thấy Tôi bằng hình sắc
Hoặc tìm kiếm Tôi bằng âm thanh
Thực hành đi theo hướng tà vạy
Người ấy không hiểu và thấy Tôi.
Cần phải nhìn thấy pháp tính Phật
Ngay nơi pháp thân các đạo sư
Pháp tính không thể nào nhận thức
Mà cũng không thể nào thấu hiểu.*

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy bát chánh đạo gồm hữu lậu và vô lậu. Hoặc pháp gồm có pháp hữu vi (sắc pháp), hữu vi - hữu lậu (sự tập khởi của năm thủ uẩn) và pháp vô vi - vô lậu (trí tuệ vô lậu). Cho nên hành giả nào đang trụ

trong trí hữu lậu - hữu vi để tu tập thì đó chưa phải là pháp chân thật. Chúng ta phải an trú trong trí tuệ vô lậu để tu tập thì đó mới gọi là chân pháp hay pháp vô vi – vô lậu.



Không chấp lý mà phải tu tất cả các thiện pháp

Chánh văn:

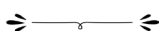
Này Tu Bồ Đề! Nếu thấy nghĩ rằng: Như Lai không tu đầy đủ các tướng tịnh hạnh mà đạt Bồ Đề thì này Tu Bồ Đề, Thấy đừng nghĩ như vậy. Đừng nghĩ Như Lai không tu đầy đủ các tướng tịnh hạnh mà được Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu thấy nghĩ rằng: người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề nói tướng các pháp là diệt mất thì đừng nghĩ như vậy. Tại sao? Vì người phát Vô Thượng Bồ Đề không nói tướng các pháp là diệt mất.

Giải nghĩa:

Nếu có ai cho rằng pháp hữu vi là vô

thường, đoạn diệt nên ta chỉ cần lãnh hội được trí tuệ vô lậu để tu tập đạt đến các thánh quả giải thoát cho đến quả vị Phật mà không cần phải thực tập các thiện pháp. Vị nào suy nghĩ như thế thì hoàn toàn sai lầm! Mà hơn thế, hành giả cần an trú trong trí tuệ vô lậu để tu tập, làm tất cả thiện pháp hướng đến các thánh quả giải thoát cho đến quả vị Phật. Cuộc đời đức Phật là một minh chứng cho điều đó, từ khi Ngài phát tâm tu tập để cầu Vô Thượng Bồ Đề cho đến khi thành đạo và nhập Niết-bàn giữa hai cây Sala song thọ, không một thiện pháp nào mà Ngài từ nan.



Phước hữu lậu và công đức vô trú

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có vị Bồ-tát đem bảy báu đầy khắp thế giới như cát sông Hằng để bố thí và lại có người biết tất cả pháp là vô ngã, thành tựu nhân lực thì công đức vị Bồ-tát sau hơn vị Bồ-tát trước.

Giải nghĩa:

Nếu có vị Bồ-tát dùng tâm hữu lậu đem bảy báu để bố thí đầy khắp thế giới nhiều như số cát sông Hằng thì phước đức lớn vô lượng vô biên nhưng thuộc tài thí (vật chất). Cũng vậy, nếu có vị Bồ-tát an trú trong trí tuệ vô lậu tu tập, đạt được hoàn toàn vô ngã thì công đức của vị Bồ-tát này lớn hơn vị Bồ-tát trước.

Chánh văn:

Tại sao? Này Tu Bồ Đề! Bồ-tát không cần tiếp nhận phước đức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì sao không nhận phước đức?

Này Tu Bồ Đề! Bồ-tát làm các phước đức mà không tham đắm nên nói không nhận phước đức.

Giải nghĩa:

Lại nữa, Bồ-tát an trú trong trí tuệ vô lậu để tu tập, giáo hóa chúng sinh với vô số phương tiện, nhưng các ngài vẫn thường sống trong trí tuệ vô lậu, nên không bị mắc kẹt nơi các pháp.

Pháp thân vô trú (uy nghi vắng lặng)

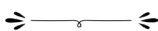
Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có ai nói Như Lai nào đi, đứng, ngồi, nằm, người ấy không hiểu ý nghĩa của lời Như Lai.

Tại sao? Như Lai nghĩa là không từ đâu đến cũng không đi đâu, nên gọi là Như Lai.

Giải nghĩa:

Đức Như Lai sống viên mãn trong pháp thân vô lậu thanh tịnh, từ trong pháp thân ấy, biểu hiện qua sắc thân (báo thân và ứng thân). Sắc thân (báo thân và ứng thân) của Như Lai có đến, đi, ngồi và nằm nhưng pháp thân vô lậu không có đến, đi, ngồi và nằm.



Lý sự vô ngại

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ đem ba ngàn đại thiên thế giới nghiền nát thành vi trần, thấy nghĩ sao, các

vi trần ấy có nhiều không?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Quá nhiều, bạch Thế Tôn!

Nếu các vi trần ấy là thật có, Thế Tôn đã chẳng nói là các vi trần.

Tại sao? Phật nói các vi trần tức chẳng phải vi trần, nên gọi là vi trần.

Giải nghĩa:

“Vi trần” ở đây chỉ cho vọng niệm nhỏ nhiệm tập khởi trong tâm mỗi chúng sinh. Nếu chúng ta nhận biết được sự tập khởi của những vọng niệm nhỏ nhiệm sinh diệt ấy chẳng phải thật, thì cái tâm nhận biết đó không phải là vọng niệm nhỏ nhiệm sinh diệt, tâm ấy chính là chân tâm.

Chánh văn:

Bạch Thế Tôn! Ba ngàn đại thiên thế giới, Như Lai nói tức chẳng phải thế giới, nên gọi là thế giới.

Giải nghĩa:

Khi hành giả an trú trong trí tuệ vô lậu tu tập, đoạn trừ hết vọng niệm nhỏ nhiệm sinh diệt, thể nhập trong trí tuệ vô lậu rộng

lặng, từ đó thấu suốt ba ngàn đại thiên thế giới. Hành giả sống trọn vẹn trong trí tuệ vô lậu nên không sinh khởi ý niệm đây là ba ngàn đại thiên thế giới.

Lại nữa, Đức Thế Tôn và các vị đại Bồ-tát hằng sống trong pháp thân vô lậu thanh tịnh nên thấu suốt ba ngàn đại thiên thế giới nhưng không sinh khởi ý niệm cho đó là ba ngàn đại thiên thế giới. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật mô tả sự thù thắng khi các Ngài sống trong pháp thân vô lậu thanh tịnh: *“Ngài A-na-luật thấy cõi Diêm Phù Đề như xem trái Yêm Ma Lam để trong bàn tay. Các vị Bồ-tát, v.v... nhìn thấy cả trăm ngàn thế giới, mười phương Như Lai đều thấy cùng tận các cõi nước thanh tịnh như vô số vi trần không sót chỗ nào; còn chúng sinh xem thấy không quá gang tấc”*.

Chánh văn:

Tại sao? Nếu thế giới thật có đó chỉ là tương hợp nhất. Như Lai nói tương hợp nhất tức chẳng phải tương hợp nhất, nên gọi là tương hợp nhất.

Giải nghĩa:

Các vị đại Bồ-tát, các bậc hiền thánh sống trong chân tâm vô lậu thanh tịnh để nhìn thế giới, thế giới khi đó chỉ là một tướng hợp nhất, các Ngài sống trọn vẹn trong chân tâm ấy nên không sinh khởi ý niệm cho đó là tướng hợp nhất.

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Tướng hợp nhất là chân lý không thể dùng ngôn ngữ giảng nói, nhưng kẻ phàm phu lại tham đắm vào sự tướng.

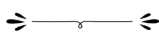
Giải nghĩa:

Trí tuệ vô lậu thấu suốt thế giới là tướng hợp nhất, ấy là chân lý cần phải chứng nghiệm, không thể dùng ngôn ngữ ý niệm mà có thể hiểu được. Thế nhưng, nhiều người vì do không hiểu lại bám chấp vào ngôn ngữ văn tự cho đó là chân lý nên mới tham đắm vào các sự tướng. Nói về lý này, Tổ Bà Tu Mật đã truyền lại cho tổ Phật Đà Nan Đề bài kệ:

*“Tâm đồng hư không giới,
Chỉ pháp bằng thái hư.
Khi chứng được hư không,
Không pháp, không phi pháp”.*

(Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

Chân tâm rộng lớn như hư không, trong chân tâm vô lậu này không sinh khởi ý niệm pháp hay phi pháp. Các bậc thánh trụ trong trí tuệ vô lậu để đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn nên sống trọn vẹn với tâm vô lậu thanh tịnh rộng lớn như thái hư. Các Ngài sống trong tâm ấy để nhìn thế giới, chỉ là một tướng hợp nhất, nhưng lại không sinh khởi ý niệm cho đó là tướng hợp nhất.



Tri kiến không sinh

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có ai bảo rằng, Như Lai có nói cái thấy về ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả. Này Tu Bồ Đề! Thấy nghĩ sao?

Người ấy có hiểu được ý nghĩa lời nói của Như Lai không?

Bạch Thế Tôn! Không. Người ấy không hiểu ý nghĩa lời nói của Như Lai.

Tại sao? Như Lai nói cái thấy về ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả tức chẳng phải là cái thấy về ngã, nhân, chúng sinh và thọ mạng (giả), nên mới gọi là cái thấy về ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả.

Giải nghĩa:

Đoạn trước Đức Thế Tôn nói về bốn tướng, đoạn này Ngài nói về bốn kiến. Bởi chấp trước bốn tướng là thuộc phần thô, còn chấp trước bốn kiến (đó là trong tâm còn thấy đã đoạn trừ được bốn tướng) là phần tế nên rất khó để đoạn trừ. Khi hành giả lãnh hội được chánh kiến vô lậu tu tập, đoạn trừ bốn tướng, từ đó bước tới đoạn trừ bốn thứ kiến chấp trong tâm.

Hành giả cần đoạn trừ bốn thứ kiến chấp trong tâm để thể nhập trong chân tâm rỗng lặng không sinh diệt (Niết-bàn).

Trong Kinh Viên Giác, Đức Phật dạy

bốn tướng như sau:

“Thế nào là ngã tướng? Tâm còn có sở chứng gọi là ngã tướng.

Thế nào là nhân tướng? Tâm còn có một chút ngộ cho rằng chứng lý đầy đủ đều gọi là nhân tướng.

Thế nào là tướng chúng sinh? Tâm còn có sở liễu gọi là chúng sinh tướng.

Thế nào là tướng thọ mạng? Tâm chiếu thanh tịnh đã giác được cái sở liễu gọi là tướng thọ mạng” (Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch).

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì đối với tất cả pháp phải biết như vậy, tin như vậy, hiểu như vậy, không nên sinh khởi ý tưởng pháp.

Này Tu Bồ Đề! Như Lai nói pháp tướng tức chẳng phải pháp tướng, nên gọi là pháp tướng.

Giải nghĩa:

Thiện nam hay thiện nữ phát tâm tu tập để hướng đến thành tựu quả vị Phật.

Hành giả cần an trú trong trí tuệ vô lậu để tu tập và làm tất cả các thiện pháp nhưng vẫn hằng sống trong trí tuệ ấy.



Trí tuệ vô lậu

Chánh văn:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có người đem bảy thứ báu chất đầy vô lượng vô số thế giới để bố thí; và nếu có thiện nam hay thiện nữ phát tâm Bồ-tát, thọ trì, đọc tụng kinh này, vì người khác giảng nói, cho dù chỉ bốn câu kệ thì phước đức của người này hơn người trước.

Sao gọi là vì người điển nói? Bằng cách bất động đứng nơi chân như, không mắc kẹt ý tưởng.

Giải nghĩa:

Nếu có người dùng tâm hữu lậu bố thí bảy thứ châu báu đầy cả vô số vô lượng thế giới thì phước đức thật không thể nghĩ bàn và thuộc tài thí. Nhưng nếu có thiện nam hay thiện nữ lãnh hội được chánh kiến

vô lậu tu tập, đạt được trí tuệ vô ngã hoàn toàn, rồi dựa vào kinh điển của Đức Phật để giảng dạy cho người khác kiến đạo, cho dù chỉ dùng một bài kệ (thuộc pháp thí và tâm vô lậu), nên phước đức người sau lớn hơn phước đức người trước.

Chánh văn:

Tại sao? Bởi các pháp hữu vi như giấc mộng, như ảo hóa, như bọt nước, như bóng hình, như sương mai, như điện chớp, hãy quán chiếu như vậy.

Giải nghĩa:

Đức Phật dạy chúng ta phải an trú trong chánh kiến vô lậu để nhận biết sự tập khởi của năm thủ uẩn; cũng như các pháp hữu vi chỉ là giấc mộng, ảo hóa, bọt nước, bóng hình, sương mai, điện chớp... nên thường quán chiếu như vậy.

Chánh văn:

Đức Phật nói kinh này xong, trưởng lão Tu Bồ Đề cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian được nghe những

*lời Đức Thế Tôn dạy đều rất hoan hỷ, tin
tưởng, tiếp nhận và cung kính hành trì.*



**GIẢI NGHĨA
BÁT NHÃ TÂM KINH**



Khái quát về Bát Nhã Tâm Kinh

Bát Nhã Tâm Kinh là kinh tinh yếu trong hệ thống kinh điển của truyền thống Phật giáo Đại Thừa. Suốt chiều dài lịch sử, chư Tăng Ni và Phật tử đều tụng đọc thuộc lòng bản kinh này. Có được vị trí đó, vì Bát Nhã Tâm Kinh thu tóm giá trị của đạo Phật trên cả phương diện nội dung tư tưởng và ngôn ngữ. Đây là bản kinh cốt yếu để áp dụng vào đời sống tu tập. Thế nên, tên gọi Bát Nhã hay Tâm Kinh đã trở thành một khoá lễ có mặt hầu hết trong các giờ công phu ở các chùa, tự viện.

Bát Nhã Tâm Kinh mà chúng ta đọc tụng hiện nay, với 260 chữ nhưng lại tóm thu toàn bộ nội dung chính yếu của 720 quyển thuộc hệ thống Đại Bát Nhã. Với sự toàn bích đó, Bát Nhã Tâm Kinh chứa đựng nội dung và ý nghĩa hết sức thâm sâu, vì thế mà xưa nay, hành giả không hề dễ dàng để thâm nhập được trọn vẹn nghĩa lý của kinh này.

Khi người viết tham cứu các bản chú

giải về Bát Nhã Tâm Kinh, phần nhiều các Ngài thường giải thích “tánh không của Bát-nhã” là tánh không của hư không, tánh không của miêng, tánh không của mũi, hoặc tánh không ở nơi các pháp hữu vi như cái bàn, bông hoa, đám mây... do bốn đại hợp thành. Bởi các pháp do bốn đại tạo thành thì pháp ấy không có tự tánh độc lập cho nên gọi là “tánh không”. Ở phương diện khác, nhiều luận giải thường dùng nơi cái hiểu trong sự tương quan, tương duyên của năm thủ uẩn. Các ngài, trong các bản chú giải, đều giải thích “tánh không” trong Bát Nhã Tâm Kinh là tướng duyên hợp của sắc, thọ, tưởng, hành và thức, chứ không phải nói về tánh không rỗng lặng không sinh diệt của Bát-nhã (trí tuệ vô lậu) hay chân tâm.

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn của ngài Lục Tổ Huệ Năng, ở phẩm “Bát Nhã” đã đề cập đến nghĩa lý “tánh không” của Bát-nhã. Với *Tâm Kinh Giảng Lục* (Đặng Hữu Trí dịch), Thiền sư Nguyệt Khê Tâm Viên cũng kiến giải về “tánh không” trong Bát Nhã Tâm

Kinh là tánh không rỗng lặng của Phật tánh, chân như, pháp thân và tánh giác... Đúng như bài kệ mà Ngài thốt lên khi ngộ đạo vào năm 22 tuổi:

“Xưa nay không Phật không chúng sanh
Thế giới chưa từng thấy một anh
Rốt ráo liễu giải là cái ấy
Tự tánh lại là tự kỷ sanh”.

(Trích *Tâm Kinh Giảng Lục* - Đặng Hữu Trí dịch)

Cũng như Lục Tổ Huệ Năng, ngài Nguyệt Khê đã để lại nhục thân, mình định cho một đời tu rốt ráo, học rộng hạnh cao, niềm tin đầy đủ để truyền đời. Tác phẩm của hai thiền sư cách nhau gần mười ba thế kỷ song hoàn toàn giống nhau về mặt nội dung và ý nghĩa nên người viết y cứ vào những giảng giải đó để trình bày rõ thêm về nghĩa lý của Bát Nhã Tâm Kinh. Hẳn nhiên, ở nội dung này, người viết hoàn toàn không ra ngoài tinh yếu của những lời trên.

Nối tiếp sự thực chứng chân lý đó, trong bài pháp thoại “Bổ túc Kinh Bát Nhã” (Thiền viện Trúc Lâm, ngày 29 tháng 12 năm 2003), Hòa Thượng Thích Thanh Từ đã giảng giải, bổ túc ý nghĩa của bản kinh này, trong đó, ở câu kinh: *“Thị chư pháp không tướng, bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm”*. Hòa Thượng dạy: *“Ý nghĩa của đoạn văn kinh này là chỉ cho pháp thân bất sinh bất diệt. Kiến giải này là kiến giải cuối cùng của tôi”*.

Từ sự thao thức trong tu học, dù hiểu biết còn hạn hẹp, người viết hầu mong chia sẻ đôi lời về nội dung tư tưởng, ý nghĩa của Bát Nhã Tâm Kinh. Hy vọng rằng với những chia sẻ, trao đổi này sẽ là chút hành trang để độc giả có thể thấy rõ nghĩa tu, phát tâm giữ gìn pháp bảo nói chung và bản kinh này nói riêng. Trong đời tu của mình, tôi tâm niệm đây là món quà tu học để dâng tặng những người bạn đồng tu, các học trò thân quý và các Phật tử gần xa hữu duyên.

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Hán văn:

Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.

Thị cố không trung, vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệc vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Tam thế chư Phật y Bát-nhã ba-la-mật-

đa cố, đắc a-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã ba-la-mật-đa, thị đại thân chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa chú, tứ thuyết chú viết:

“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.

“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.

“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.

Việt dịch:

Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, soi thấy năm uẩn đều không nên Ngài liền vượt qua tất cả khổ ách.

Này Xá-lợi-phất! Sắc chẳng khác gì tánh không, tánh không chẳng khác gì sắc; sắc chính là tánh không, tánh không chính là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng là

như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt.

Cho nên trong Tánh Không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có diệt tận của vô minh; cho đến không có già chết cũng không có diệt tận của già chết; không có khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế; không có trí cũng không có chứng đắc.

Vì không có sở đắc, Bồ-tát sống với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên tâm không chướng ngại. Vì tâm không có chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi điên đảo, mộng tưởng, đạt Niết-bàn tuyệt đối.

Chư Phật trong ba đời sống đúng như Bát-nhã ba-la-mật-đa nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nên biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa là thần

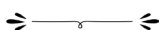
chú vĩ đại, là minh chú vĩ đại, là thần chú tối thượng, là thần chú không thể so sánh bằng, chấm dứt mọi khổ đau, chân thật không hư vọng.

Vì vậy nói chú Bát-nhã ba-la-mật-đa, liền nói chú rằng:

“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.

“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.

“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.



Giải thích ý nghĩa nhan đề Bát-nhã tâm kinh:

Ma-ha: Nghĩa là lớn.

Bát-nhã: Là trí tuệ vô lậu, Bát-nhã gồm có ba giai đoạn: Văn tụng Bát-nhã, quán chiếu Bát-nhã và thực tướng Bát-nhã.

Văn tụng Bát-nhã

Văn tụng Bát-nhã nghĩa là sự tụng đọc hay nghe giảng về ngôn ngữ của Bát-nhã.

Đức Phật sử dụng ngôn ngữ để khai thị rằng tất cả chúng sinh đều có sẵn trí tuệ Bát-nhã. Điều này được Đức Thế Tôn tuyên thuyết qua các kinh như Kinh Kim Cương, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Duy Ma Cát,... đó gọi là văn tự Bát-nhã.

Quán chiếu Bát-nhã

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, phẩm “Bát Nhã”, ngài Lục Tổ dạy: *“Hãy dùng trí tuệ (Bát-nhã) để đập phá ngũ uẩn”*. Trí tuệ (Bát-nhã) này là trí tuệ vô lậu. Do vậy, chúng ta phải bắt đầu từ văn tự Bát-nhã, từ đó mới đi tới việc quán chiếu Bát-nhã. Trong giai đoạn quán chiếu Bát-nhã, hành giả cần phải lãnh hội được trí tuệ vô lậu, từ đó an trú trong trí tuệ (Bát-nhã) này để tu tập, đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn.

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, phẩm “Bát Nhã”, ngài Lục Tổ nhấn mạnh: *“Bát-nhã là trí tuệ. Tất cả chỗ, tất cả thời, mỗi niệm không ngu, thường thực hành trí tuệ là Bát-nhã hạnh. Một niệm ngu tức là Bát-nhã bật, một niệm trí tuệ là Bát-nhã sinh”*. Vì

vậy, chúng ta phải an trú nơi trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) để nhận biết như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không và vô ngã – tức là năm thủ uẩn được đoạn trừ. Đây chính là công năng của trí tuệ vô lậu, tức Bát-nhã.

Thực tướng Bát-nhã

Có một vị hỏi thiền sư Tuệ Hải rằng: Bát-nhã lớn chăng?

Ngài đáp: Lớn.

Vị thầy lại hỏi: Lớn bằng chừng nào?

Ngài đáp: Không có ngần mé.

Vị thầy lại hỏi: Bát-nhã nhỏ chăng?

Ngài đáp: Nhỏ.

Vị thầy lại hỏi: Nhỏ bằng chừng nào?

Ngài đáp: Xem chẳng thấy.

Vị thầy lại hỏi: Chỗ nào là Bát-nhã?

Ngài đáp: Chỗ nào chẳng phải Bát-nhã.

(Thiền sư Tuệ Hải - Đại Châu, Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

Thực tướng của Bát-nhã tức trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) là pháp không tướng, vì không tướng nên mới là thực tướng. Chính

thực tướng Bát-nhã (trí tuệ vô lậu) là pháp không tướng nên xa lìa hết mọi tướng hư vọng sinh diệt của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế). Để thành tựu trí tuệ Bát-nhã, hành giả cần phải đi từ giai đoạn văn tự Bát-nhã đến quán chiếu Bát-nhã rồi mới thể nhập được trong thực tướng Bát-nhã, đồng nghĩa rằng, hành giả cần lãnh hội trí tuệ vô lậu và an trú nơi trí tuệ này để đoạn trừ sự tập khởi năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế). Khi hành giả đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) mới thực sự thể nghiệm được thực tướng chân thật của Bát-nhã (trí tuệ vô lậu). Thực tướng của Bát-nhã là không tướng rỗng lặng không sinh diệt nên đồng nghĩa với Niết-bàn.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, phẩm “Nhĩ căn viên thông”, Bồ-tát Quan Thế Âm dạy: *“Năng giác, sở giác đều tiêu; năng không, sở không đều diệt thì mới đạt được cái không giác tột cùng”*. Nghĩa là chúng ta muốn đạt được *“cái không giác tột cùng”* thì phải đoạn trừ *“năng giác và sở giác,*

năng không và sở không". "*Cái không giác tột cùng*" này chính là thực tướng rỗng lặng không sinh không diệt của Bát-nhã.

Ba-la-mật-đa: Gồm có bốn nghĩa.

Đáo bỉ ngạn: Nghĩa là đến bờ bên kia. Bờ bên này là dụ cho sinh tử, bờ bên kia là dụ cho Niết-bàn, an lạc.

Độ vô cực: Do an trú trong trí tuệ (Bát-nhã) tu tập nên đoạn trừ phần đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử (Đạt niết bàn tuyệt đối).

Viễn ly: Do an trú trong trí tuệ (Bát-nhã) mà xa lìa hết thấy các tướng hư vọng sinh diệt của năm thủ uẩn nên đạt Niết-bàn.

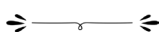
Cứu cánh: Do an trú nơi trí tuệ (Bát-nhã) tu tập nên đạt được thực tướng của Bát-nhã hay Niết-bàn.

Tâm: Là tâm yếu, tinh yếu hay là chân tâm không sinh diệt.

Kinh: Lời dạy của Đức Phật.

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa là chân tâm không sinh diệt. Vì chân tâm không sinh diệt nên là pháp không tướng, vì không tướng nên gọi là Ma-ha, Bát-nhã hay Ba-la-

mật-đa. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, ở phẩm “Bát Nhã”, ngài Lục Tổ dạy: *“Nếu thấy tất cả người ác, người lành mà tâm không chấp, không bỏ, không nhiễm trước, tâm như hư không nên nói là Ma-ha”*. Chính tâm không tướng rỗng lặng của Bát-nhã là định - tuệ đồng thời. Tâm không tướng rỗng lặng là định và trong thể rỗng lặng vô tướng này thường rõ biết các pháp chính là tuệ. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh là bản kinh mô tả trí tuệ vô lậu rộng lớn (vô tướng).



Giải thích nội dung văn kinh:

Nhân tu – quả thành tựu

Hán văn:

Quán Tụ Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Việt dịch:

Bồ-tát Quán Tụ Tại thực hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa, soi thấy năm uẩn đều

không nên Ngài liền vượt qua tất cả khổ ách.

Lược giải từ ngữ

Bồ-tát Quán Tự Tại là vị đại Bồ-tát, Ngài đã đoạn trừ hoàn toàn phần đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử.

Trí tuệ gồm có trí tuệ hữu lậu và trí tuệ vô lậu. Bát-nhã thuộc về trí tuệ vô lậu, tức tâm vô lậu. Chính tâm vô lậu này là định - tuệ đồng thời. Tâm không tướng rỗng lặng đó chính là định (thể); trong thể rỗng lặng ấy thường rõ biết các pháp, không sinh vọng tưởng, ấy là tuệ (dụng).

Ba-la-mật-đa: Có bốn nghĩa như đã giải thích ở trên.

Khổ ách: Là khổ đế và tập đế.

Năm uẩn: Uẩn là sự tập hợp, nhóm hợp. Năm uẩn là năm tập hợp hình thành thân và tâm của một chúng sinh, gồm có:

Sắc uẩn: Là yếu tố vật chất gồm địa, thủy, hỏa, phong (tứ đại).

Thọ uẩn: Tập hợp của những cảm giác.

Tưởng uẩn: Tập hợp của những tri giác.

Hành uẩn: Tập hợp của những ý chí tạo nghiệp.

Thức uẩn: Tập hợp của những nhận thức.

Giải thích nội dung

Đoạn văn kinh này mô tả tiến trình Bồ-tát bằng trí tuệ Bát-nhã (trí tuệ vô lậu) đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế, tập đế). Khi năm thủ uẩn được đoạn trừ hoàn toàn, Bồ-tát thể nhập trong thật tướng Bát-nhã. An trú trong ấy, Bồ-tát thấy không còn sự sinh diệt của năm thủ uẩn nên Ngài liền vượt qua tất cả khổ đế, tập đế.

Lại nữa, Bồ-tát Quán Tự Tại an trú nơi trí tuệ vô lậu, đoạn trừ phần đoạn sinh tử (chấp ngã) và biến dịch sinh tử (chấp pháp) nên Ngài thể nhập hoàn toàn trong thật tướng Bát-nhã. Thật tướng Bát-nhã là không tướng rỗng lặng, nên ở đây, Ngài soi thấy không còn sự sinh diệt của năm thủ uẩn đồng nghĩa Ngài đã vượt qua tất cả khổ ách (khổ đế, tập đế).

Đối sánh đoạn kinh với giáo lý và các kinh văn khác

Với giáo lý Tứ Thánh Đế

Khi hành giả kiến đế hay kiến đạo, tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu, vị ấy an trú trong chánh kiến vô lậu để tu tập, đoạn trừ khổ đế và tập đế. Hành giả đoạn trừ hoàn toàn khổ đế và tập đế nên thể nhập vào Niết-bàn, ở trong ấy, soi thấy không còn sự sinh diệt của năm thủ uẩn (khổ đế, tập đế).

Với giáo lý mười hai nhân duyên

Khi hành giả lãnh hội được minh (chánh kiến vô lậu) và an trú nơi minh để đoạn trừ hoàn toàn sự tập khởi của vô minh, ái, thủ và hữu. Khi ấy, hành giả sống trong tâm minh. Trong tâm minh này soi thấy không còn sự tập khởi của vô minh, ái, thủ và hữu (năm thủ uẩn), ngay đó, liền vượt qua khổ đế, tập đế.

Với kinh Vô Thường (Pàli, S.22.12-14. Aniccam)

Chính trí tuệ vô lậu thấy rõ bản chất

của năm thủ uẩn là vô thường, khổ và vô ngã nên hành giả đoạn trừ được sự tập khởi của năm thủ uẩn. Khi năm thủ uẩn được đoạn trừ hoàn toàn, nên hành giả đạt được Niết-bàn của bậc thánh A-la-hán. An trú trong Niết-bàn, hành giả soi thấy không còn sự sinh diệt của năm thủ uẩn liền vượt qua khổ đế, tập đế.

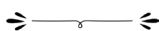
Với nội dung các kinh số 84, 468, 480 trong Trung A Hàm

Hành giả quán sát ba thọ nên đoạn trừ được ba thọ. Đó là đoạn trừ ba thọ ở nơi sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Khi ba thọ được đoạn trừ hoàn toàn tức toàn bộ năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) được đoạn trừ. Từ đó, hành giả thể nhập trong Niết-bàn. An trú trong Niết-bàn, hành giả soi thấy không còn sự sinh diệt của năm thủ uẩn nên liền vượt qua khổ đế, tập đế.

Với phẩm “Khách chủ” trong Kinh Lăng Nghiêm

Hành giả lãnh hội được tâm chủ không sinh diệt (chân tâm) và an trú trong tâm chủ

này để tu tập đoạn trừ tâm khách (vọng tâm). Do tâm khách được đoạn trừ hoàn toàn nên hành giả sống được với tâm chủ không sinh diệt. Ở trong tâm chủ này, hành giả quán sát không còn sự sinh diệt của tâm khách (năm thủ uẩn) nên liền vượt qua khổ đế, tập đế.



Con đường thể nhận trí tuệ vô lậu

Hán văn:

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Việt dịch:

Này Xá-lợi-phất! Sắc chẳng khác gì tánh không, tánh không chẳng khác gì sắc; sắc chính là tánh không, tánh không chính là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng là như vậy.

Lược giải từ ngữ

Sắc: Có mười một loại gồm năm căn,

năm trần và pháp trần.

Tánh không: Là tánh không rỗng lặng không sinh diệt của Bát-nhã (trí tuệ vô lậu).

Giải thích nội dung

“Này Xá-lợi-phất! Sắc chẳng khác gì tánh không, tánh không chẳng khác gì sắc; sắc chính là tánh không, tánh không chính là sắc”. Trong đoạn văn kinh này, Bồ-tát Quán Tự Tại muốn dạy: Khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp trần, ngay nơi các đối tượng muôn vật ấy, chúng hiện hữu như thế nào thì chúng ta chỉ an trú nơi chân tâm để thấy đúng như thật mà không khởi vọng niệm phân biệt (vô minh, ái và thủ). Nhờ hành giả an trú trong chân tâm không sinh diệt nên không có một ý niệm khác biệt gì giữa sắc và chân tâm. Khi sống trong chân tâm cũng chính là sống với tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết không sinh diệt. Đây chính là ý nghĩa mà Bồ-tát muốn dạy.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy cho vua Ba-tư-nặc rằng: *“Đại vương, như ông đã nói: Khi hai mươi tuổi đã già hơn lúc mười tuổi, cho đến sáu mươi tuổi, năm tháng ngày giờ, niệm niệm dời đổi. Vậy khi ông ba tuổi thấy nước sông Hằng, đến mười ba tuổi cái thấy nước sông ấy thế nào?”*

Vua thưa: Như khi ba tuổi rõ ràng không khác và cho đến nay con sáu mươi hai tuổi, cái thấy vẫn không khác.

Phật bảo: Nay ông tự cảm thương tóc bạc mặt nhăn, mặt ông nhất định là nhăn hơn lúc trẻ. Vậy cái thấy của ông hiện nay xem thấy sông Hằng, cùng với khi xưa còn trẻ xem thấy sông Hằng, cái thấy đó có già có trẻ chăng?”

Vua thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy.

Phật bảo: Đại vương, mặt ông tuy nhăn, mà tánh thấy này chưa từng bị nhăn. Cái bị nhăn thì biến đổi, còn cái chẳng bị nhăn thì không biến đổi. Cái biến đổi thì

phải chịu hoại diệt, cái chẳng biến đổi kia vốn không sinh diệt”.

“Cái thấy không khác” chính là chân tâm không sinh diệt hay trí tuệ Bát-nhã. Chúng ta cần phải ở ngay nơi mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm và ý đối với pháp trần sinh diệt này để lãnh hội được chân tâm không sinh diệt. Từ đây, hành giả tiếp tục an trú trong chân tâm để nhận biết các sắc và sự tập khởi của sắc có bản chất là vô thường, khổ và vô ngã.

Về lời dạy “*Thọ, tướng, hành, thức cũng là như vậy*”.

Nhờ an trú nơi trí tuệ vô lậu (Bát-nhã), hành giả nhận biết được sự tập khởi của thọ, tướng, hành và thức đúng như thật mà không sinh khởi tâm ái nhiễm hay chấp trước. Đây chính là ý nghĩa sự tập khởi của thọ, tướng, hành và thức chẳng khác gì tánh không, tánh không chẳng khác gì sự tập khởi của thọ, tướng, hành và thức; sự tập khởi của thọ, tướng, hành và thức chính là tánh không, tánh không chính là sự tập

khởi của thọ, tưởng, hành và thức.

“*Tánh không*” là tánh không rỗng lặng không sinh diệt của Bát-nhã. Cho nên, chúng ta phải ở nơi sự tập khởi của năm thủ uẩn để lãnh hội “*tánh không*” của Bát-nhã. Từ đó, an trú nơi tánh không của Bát-nhã để nhận biết sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không và vô ngã.

“*Tánh không*” rỗng lặng không sinh diệt của Bát-nhã chính là chân tâm không sinh diệt. Chân tâm không sinh diệt chính là định - tuệ đồng thời. Tâm rỗng lặng không sinh diệt là định, thường biết rõ tâm rỗng lặng không sinh diệt là tuệ. Do đó, chúng ta phải ở nơi sự tập khởi của năm thủ uẩn mà lãnh hội chân tâm không sinh diệt và luôn an trú chân tâm không sinh diệt để nhận biết sự tập khởi của năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, không và vô ngã.

Năm thủ uẩn là khổ đế và tập đế, cho nên, phải ở nơi khổ đế - tập đế mà nhận được đạo đế - diệt đế vô lậu. Khi ấy, hành giả thường an trú trong đạo đế, diệt đế vô

lậu để đoạn trừ khổ đế, tập đế.

Năm thủ uẩn cũng chính là vô minh, nên phải ở nơi vô minh để lãnh hội được minh. Nhờ hành giả thường an trú nơi minh mà sự tập khởi của vô minh được nhận biết như thật nên được đoạn trừ. Minh chính là chân tâm không sinh diệt hay trí tuệ Bát-nhã.

Trong *Tạp A-hàm, Kinh Ngũ Chuyển*, Đức Phật dạy: *“Ta có năm như thật tri, đó là như thật tri về sắc, sự tập khởi của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, như thật tri về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy...”*. Chúng ta phải ở nơi sự tập khởi của năm thủ uẩn mà lãnh hội tâm như thật tri và luôn an trú nơi tâm như thật tri này để nhận biết sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không và vô ngã. Như vậy, tâm như thật tri này không rời năm thủ uẩn mà nhận lại, nhưng chính tâm như thật tri này không phải là ngũ uẩn.

Trong *Triệu Luận, phẩm “Bát-nhã vô*

tri”, ngài Tăng Triệu nói: “*Sự linh động nhiệm mầu của Bát-nhã là căn bản cùng cực của tam thừa. Kỳ thật, chơn tâm bất nhị chẳng có sai biệt. Sự chiếu dụng của Bát-nhã không cần tác ý cho nên chơn tâm của bậc thánh trống rỗng trong sạch chừng nào, thì sự chiếu dụng đầy đủ chừng ấy, do đó suốt ngày tri mà như chưa từng tri vậy. Cái dụng của Bát-nhã chơn thật mà bản thể trống rỗng, bản thể trống rỗng mà sự dụng vẫn chẳng phải không, sự dụng vốn thường còn mà không thể luận bàn nghĩ ngợi, ấy là “Diệu” của bậc thánh vậy. Nên Bát-nhã có cái thể trống rỗng mà thường chiếu soi, chơn đế có cái thể tịch diệt mà hiểu biết, vạn vật có thể náo động mà ngay đó thường tịch, sự ứng cơ của bậc thánh có thể trống rỗng mà vẫn làm thành, vậy thì chẳng biết mà tự biết, chẳng làm mà tự làm” (Hòa Thượng Thích Duy Lực dịch).*

Để rõ thêm ý nghĩa trên, chúng ta có thể tham khảo công án khi ngài Triệu Châu chỉ vào lửa và dạy cho vị thị giả rằng: “Đây

là lửa nhưng con đừng gọi là lửa, ta đã dạy cho con xong. Con có lãnh hội lời ta dạy không?” Người thị giả vẫn không lãnh hội được cho nên ngài đến gấp lửa đưa lên rồi tiếp tục hỏi thị giả: “Con có lãnh hội không?”.

“Đây là lửa nhưng con đừng gọi nó là lửa..”, tức là ngay cái thấy không khởi lên khái niệm phân biệt, chính đây là đạo hiện tiền. Cũng vậy, đây là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp nhưng đừng gọi (không khởi lên khái niệm phân biệt) tên sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp thì đó chính là trí tuệ Bát-nhã hiện tiền.

Lại nữa, đây là sắc, thọ, tưởng, hành và thức nhưng đừng gọi (không khởi lên khái niệm) tên sắc, thọ, tưởng, hành và thức, tức chính là trí tuệ Bát-nhã hiện tiền. Đó là sắc chẳng khác gì tánh không, tánh không chẳng khác gì sắc; thọ, tưởng hành và thức cũng lại như vậy.

Tinh yếu này đã được nhắc đến trong bài phú “Cư Trần Lạc Đạo” của Phật Hoàng

Trần Nhân Tông:

“Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,

Đói đến thì ăn mệt ngủ liền.

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,

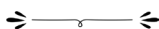
Đối cảnh vô tâm hỏi chi thiên”.

(Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

Thật vậy, “*đối cảnh vô tâm*” chính là khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm và ý đối với pháp trần sinh diệt mà không sinh khởi ý niệm năng thủ và sở thủ gì nên sắc chẳng khác gì tánh không, tánh không cũng chẳng khác gì sắc; và thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Tóm lại, “*tánh không*” là chỉ cho tánh không rỗng lặng không sinh diệt của Bát-nhã. Tánh không của Bát-nhã là chân tâm không sinh diệt. Vì chân tâm không sinh diệt nên tất cả đều không tâm; vì tất cả chỗ không tâm nên không có chỗ trụ; vì không có chỗ trụ nên năm thủ uẩn này chẳng khác

gì tâm không rỗng lặng và tâm không rỗng
lặng chẳng khác gì năm thú uẩn vậy!



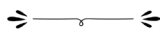
*Đối sánh với các đoạn kinh văn trong
Kinh Lăng Nghiêm*

*“Này Xá-lợi-phất! Sắc chẳng khác gì
tánh không, tánh không chẳng khác gì sắc;
sắc chính là tánh không, tánh không chính
là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng là như
vậy”.*

*“Ngài A-nan thưa với đức Thế Tôn!
Con nhìn khắp rừng Kỳ-đà này chẳng biết
trong đó có cái gì không phải là cái thấy.
Tại sao như thế? Nếu cây chẳng phải là cái
thấy thì làm sao thấy được cây? Nhưng nếu
cây là cái thấy thì sao gọi là cây? Như thế
cho đến nếu hư không chẳng phải là cái
thấy, thì làm sao thấy được hư không. Nếu
hư không tức là cái thấy, thì sao lại là hư
không? Tóm lại con suy nghĩ: Trong muôn
vật đó phát minh cho kỹ lưỡng, thật không
có cái gì chẳng phải là cái thấy cả. Đức*

Phật dạy: Đúng thế! Đúng thế!”.

Nếu tư duy chiêm nghiệm, ta sẽ thấy hai đoạn kinh trên có ý nghĩa giống nhau. Hành giả lãnh hội được trí Bát-nhã (trí tuệ vô lậu) tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn. Khi sự tập khởi của năm thủ uẩn được đoạn trừ từng phần cho đến lúc được đoạn trừ hoàn toàn thì hành giả an trú trong trí vô lậu để nhìn thấy các sắc, nghe các âm thanh... trở thành bất nhị. Khi đó, tâm giả hành giả không còn khởi lên khái niệm cho rằng đây là tâm, đây là cảnh vật. Bởi thế tâm vô lậu này rộng lặng rộng lớn nên bao trùm muôn vật. Tâm vô lậu cùng với vạn vật nhất như vô ngại, đó là lý (tâm vô lậu) và sự (vạn vật hình tượng) không còn ranh giới bởi khái niệm đây là tâm vô lậu hay đây vạn vật hình tượng.



Thế tánh của trí tuệ vô lậu

Hán văn:

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng,

bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.

Việt dịch:

Này Xá-lợi-phất! Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt.

Giải thích nội dung

“*Pháp không tướng*” là tướng không rỗng lặng không sinh diệt của Bát-nhã. Tướng không của Bát-nhã là chân tâm không sinh diệt. Vì vậy, tâm này chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt. Bài kệ của Đức Phật trao cho ngài Ca Diếp, và lời kiến giải thuở ban sơ của ngài Lục Tổ Huệ Năng cùng nói về nội dung này:

*“Pháp gốc pháp không pháp,
Pháp không pháp cũng pháp.
Nay khi trao không pháp,
Mỗi pháp đâu từng pháp”.*

(Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

*“Bồ-đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài,
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi nhơ”.*

(Kinh Pháp Bảo Đàn, Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

Cả hai bài kệ đều mô tả về “không pháp”. “Không pháp” chính là chân tâm không sinh diệt, là pháp vô vi – vô lậu cho nên trong đó không có một vật. Vì chân tâm không có một vật nên tâm này chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt.

Đức Thế Tôn đã tán thán ngài Xá-lợi-phất và khai thị cho chúng sinh về cứu cánh của “không pháp” này:

“Một thời, ngài Xá-lợi-phất đến thăm đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thấy nhan sắc của ngài Xá-lợi-phất tươi nhuận nên đức Thế Tôn hỏi: Thấy do an trú tam muội (định) nào mà được nhan sắc tươi nhuận như thế?”

Ngài Xá-lợi-phất thưa với đức Thế

Tôn rằng: Bạch đức Thế Tôn, con do an trú không tam muội mà được nhan sắc tươi nhuận như thế này!

Đức Phật dạy: Không tam muội là tối thượng, là vua tất cả tam muội. Do đạt được không tam muội mà đoạn trừ ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Vì đạt được không tam muội nên đoạn trừ bốn tướng như thế cho nên cũng đạt được vô nguyên tam muội (vô tác) và vô tướng tam muội.

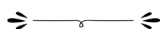
Đức Phật dạy tiếp: “Tất cả chúng sinh trôi nổi trong sinh tử mãi mà không có thời điểm kết thúc là do không đạt được không tam muội. Ta do đạt được không tam muội này nên thành Vô Thượng Chánh Đẳng Giác”.

(Kinh Tăng Nhất A-hàm, kinh số 06, phẩm số 45 - Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ dịch)

Bồ-tát Thâm Huệ, phẩm “Bất Nhị”, trong Kinh Duy Ma Cật nói rằng: “Đây là không, đây là vô tướng, đây là vô tác, là hai.

Nhưng không tức là vô tướng, vô tướng tức là vô tác. Không, vô tướng, vô tác tức là không tâm, không ý, không thức. Ở trong một giải thoát môn cũng chính cả ba giải thoát môn. Đó là vào cửa pháp môn bất nhị” (Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ dịch).

Không tam muội, vô nguyện tam muội và vô tướng tam muội này là chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt...



Thế tánh trí tuệ vô lậu không có sự sanh diệt của pháp hữu vi – hữu lậu

Hán văn:

Thị cố không trung, vô sắc, vô thọ, tướng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệt vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệt vô đắc.

Việt dịch:

Cho nên trong tánh không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có diệt tận của vô minh; cho đến không có già chết cũng không có diệt tận của già chết; không có khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế; không có trí cũng không có chứng đắc.

Lược giải từ ngữ

Tánh không là tánh không của Bát-nhã hoặc là pháp không tướng của Bát-nhã.

Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Sáu căn là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn.

Sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Mười tám giới là sáu căn, sáu trần và sáu thức. Đó là sáu giới hạn thuộc về căn, sáu giới hạn thuộc về trần, sáu giới hạn

thuộc về thức.

Giới là khu vực giới hạn hay thế giới.

Pháp mười hai duyên khởi là vô minh, hành, thức, danh sắc... lão-tử.

Tứ thánh đế là khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Giải thích nội dung

Trong “tánh không” của Bát-nhã không có năm uẩn, sáu căn, sáu trần, mười tám giới, mười hai nhân duyên, tứ thánh đế. Ngay trong trí tuệ vô lậu này không khởi ý niệm rằng có trí hay có chứng đắc. Chính vì vậy, pháp không tướng rỗng lặng không sinh diệt của Bát-nhã không có các pháp hữu vi – hữu lậu.

Lời tuyên thuyết “*không có diệt đế, đạo đế*” – Bởi chính tâm không tướng rỗng lặng của Bát-nhã là diệt đế, đạo đế vô lậu. Nên ở trong ấy không sinh khởi ý niệm cho rằng đây là diệt đế, đạo đế. Vì vậy, ý kinh “*không có diệt đế, đạo đế*”, ở đây, chính là không khởi lên ý niệm có diệt đế, đạo đế chứ không phải không có diệt đế, đạo đế.

Về ý nghĩa “không có trí”, bởi “tánh không” của Bát-nhã đã là trí tuệ vô lậu nên không có ý niệm cho rằng đây là trí hay không phải là trí. Trong “tánh không” của Bát-nhã (trí tuệ vô lậu) không tồn tại hai tướng “phải” và “chẳng phải”. Thế nên, “không có trí” chính là không khởi lên ý niệm có trí chứ không phải là không có trí tuệ (Bát-nhã) này.

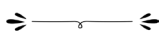
Với lời dạy “không có chứng đắc”, vì bản chất “tánh không” của Bát-nhã (trí tuệ vô lậu) là pháp không tướng, rỗng lặng không sinh diệt nên trong đó không có một pháp nào để chứng đắc, chứ không phải là không có chứng đắc.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy ý nghĩa thâm sâu này: “*Này Văn Thù, nay tôi hỏi ông, như ông là Văn Thù, lại có Văn Thù phải là Văn Thù hay không phải Văn Thù?*”

Đúng như thế bạch đức Thế Tôn! Con nay thật là Văn Thù, không có phải là Văn Thù. Vì sao? Vì nếu có phải là Văn Thù thì

có hai Văn Thù. Con hiện nay chẳng phải là không Văn Thù, trong ấy thật không có hai tướng “phải” hay “chẳng phải”.

Pháp không tướng rỗng lặng của Bát-nhã không tồn tại hai tướng “phải” hay “chẳng phải” nên kinh nói “*không có trí cũng không có chứng đắc*”.



Niết-bàn của Bồ-tát và Niết-bàn của chư Phật

Hán văn:

Dĩ vô sở đắc cố, bồ-đề tát đỏa y Bát-nhã ba-la-mật-đa, cố tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn. Tam thế chư Phật y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố, đắc a-nậu-đa-la-tam-miệu-tam bồ-đề.

Việt dịch:

Vì không có sở đắc, Bồ-tát sống với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên tâm không chướng ngại. Vì tâm không có chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi điên đảo,

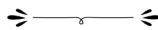
mộng tưởng, đạt Niết-bàn tuyệt đối.

*Chư Phật trong ba đời sống đúng như
Bát-nhã ba-la-mật-đa nên chứng đắc Vô
Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

Giải thích nội dung

Bồ-tát bằng trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) đoạn trừ phần đoạn sinh tử (chấp ngã) và biến dịch sinh tử (chấp pháp) nên thể nhập trong thật tướng rỗng lặng của Bát-nhã. Ở trong đó không có một pháp gì để chứng đắc. Ngay khi ấy, Bồ-tát không còn chướng ngại bởi phiền não chướng (chấp ngã) và sở tri chướng (chấp pháp) nên không có sự sợ hãi, xa lìa mọi điên đảo, mộng tưởng của năm thủ uẩn, đạt được Niết-bàn tuyệt đối.

Chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai sống viên mãn trong thực tướng rỗng lặng không sinh diệt của Bát-nhã nên thành tựu quả vị Vô Thượng Bồ Đề.



Diệu dụng của trí tuệ vô lậu

Hán văn:

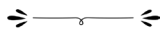
Cố tri Bát-nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Việt dịch:

Nên biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa là thần chú vĩ đại, là minh chú vĩ đại, là thần chú tối thượng, là thần chú không thể so sánh bằng, chấm dứt mọi khổ đau, chân thật không hư vọng.

Giải thích nội dung

Bát-nhã ba-la-mật-đa là trí tuệ vô lậu được ví như thần chú vĩ đại, minh chú vĩ đại, thần chú tối thượng, là thần chú không có một pháp gì so sánh bằng. Bởi diệu dụng của trí tuệ Bát-nhã này mới đoạn trừ hoàn toàn khổ đế, tập đế và chấm dứt dòng lưu chuyển sinh tử. Chính trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) là pháp chân thật, không hư vọng.



***Khuyến tấn chúng sinh vượt thoát bờ
sanh tử***

Hán văn:

Cổ thuyết Bát nhã ba la mật đa chú,
tức thuyết chú viết:

“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la
tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.

“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la
tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.

“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la
tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.

Việt dịch:

*Vì vậy nói chú Bát-nhã ba-la-mật-đa,
liên nói chú rằng:*

*“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la
tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.*

*“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la
tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.*

*“Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la
tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha”.*

Giải thích nội dung:

Yết đế: Hãy vượt qua mau!

Yết đế: Hãy vượt qua mau!

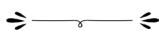
Ba la yết đế: Hãy vượt qua mau bờ bên kia!

Ba la tăng yết đế: Hãy vượt qua hẳn bờ bên kia!

Bồ đề tát bà ha: Chào mừng bậc giác ngộ thành công!

(Trích từ bản dịch tiếng Phạn của Hòa Thượng Thích Thái Hòa)

Bờ bên này chỉ cho sinh tử, bờ bên kia dụ cho Niết-bàn. Hành giả muốn chấm dứt khổ đau sinh tử, đạt được Niết-bàn thì tất yếu cần phải lãnh hội trí tuệ vô lậu (Bát-nhã) làm nhân tu tập để đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế. Sống trong Niết-bàn, cũng chính là an trú trong đạo đế, diệt đế vô lậu. Thành tựu Niết-bàn, hành giả đã trở nên là bậc giác ngộ thành công. Thành công ở đây là chấm dứt phần đoạn sinh tử (phiền não chướng hay chấp ngã).



GIẢI NGHĨA
CÁC BÀI KỆ TRUYỀN PHÁP CỦA
33 VỊ TÔNG ẨM - HOA
(TRÍCH TỪ BẢN DỊCH
CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH THANH TỬ)



1. Tổ Ma-Ha-Ca-Diếp (Mahakasyapa)

Đức Thế Tôn truyền lại cho tổ Ma-Ha-Ca-Diếp:

Hán văn:

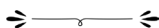
Pháp bốn pháp vô pháp
Vô pháp pháp diệt pháp
Kim phó vô pháp thời
Pháp pháp hà tăng pháp.

Việt dịch:

*Pháp gốc pháp không pháp
Pháp không pháp cũng pháp
Nay khi trao không pháp
Mỗi pháp đâu từng pháp.*

Giải nghĩa:

Chân tâm hoặc pháp vô lậu đều gọi là “không pháp”. Chính “không pháp” này, tức trí tuệ vô lậu mới là thực pháp. Đức Phật trao cho ngài Ca Diếp pháp chân thật (trí tuệ vô lậu) này, các pháp còn lại không phải là pháp chân thật.



2. Tổ A-Nan (Ananda)

Ngài sinh sau Đức Phật 30 năm.

Bài kệ này tổ Ma-Ha-Ca-Diếp truyền lại cho tổ A-Nan:

Hán văn:

Pháp pháp bốn lai pháp,

Vô pháp vô phi pháp.

Hà ư nhất pháp trung,

Hữu pháp hữu phi pháp.

Việt dịch:

Các pháp, pháp xưa nay,

Không pháp, không phi pháp.

Tại sao trong một pháp,

Có pháp, có phi pháp?

Giải nghĩa:

Trong tất cả các pháp, pháp vô lậu là pháp tối thượng bậc nhất. Chính khi an trú trong trí tuệ vô lậu này không sinh khởi ý niệm pháp hay phi pháp, không thể nói có hay không, thực hay trống rỗng. Trí vô lậu không sinh khởi ý niệm cho đây là trí hay không phải trí, nếu sinh khởi ý niệm cho đây là trí vô lậu thì không phải là trí vô lậu.

3. Tổ Thương-Na-Hòa-Tu (Sanakavasa)

Tổ sống vào thế kỷ đầu sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ A-Nan truyền lại cho tổ Thương-Na-Hòa-Tu:

Hán văn:

Bổn lai truyền hữu pháp,
Truyền liễu ngôn vô pháp.
Các các tu tự ngộ,
Ngộ liễu vô vô pháp.

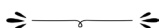
Việt dịch:

*Xưa nay truyền có pháp,
Truyền rồi nói không pháp.
Mỗi mỗi cần tự ngộ,
Ngộ rồi không không pháp.*

Giải nghĩa:

Chư tổ đã trao truyền lại cho nhau pháp chân thật (chân tâm). Đó là dùng tâm để ấn chứng tâm. Nhưng thực ra không có một pháp gì được trao truyền bởi vì pháp đó là pháp vô lậu, vô tướng. Mỗi người vốn sẵn có chân tâm nhưng cần nương nơi kinh điển của Đức Phật cũng như các bậc thiện

tri thức để tu tập và lãnh hội chân tâm. Khi hành giả nhận được chân tâm mới hiểu rằng tâm này không phải có hay không, thực hay trống rỗng.



4. Tổ Ưu-Ba-Cúc-Đa (Upagupta)

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ nhất sau khi Phật Niết-bàn.

Tổ Thương-Na-Hòa-Tu truyền lại cho tổ Ưu-Ba-Cúc-Đa:

Hán văn:

Phi pháp diệt phi tâm,
Vô tâm diệt vô pháp.
Thuyết thị tâm pháp thời,
Thị pháp phi tâm pháp.

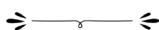
Việt dịch:

*Phi pháp cũng phi tâm,
Không tâm cũng không pháp.
Khi nói tâm pháp ấy,
Pháp ấy phi tâm pháp.*

Giải nghĩa:

Chân tâm hoặc trí vô lậu là tất cả mọi

ý niệm pháp hay phi pháp bởi chân tâm là
rỗng lặng, không sinh diệt.



5. Tổ Đề-Đa-Ca (Dhrtaka)

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ hai sau khi
Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Ưu-Ba-Cúc-Đa truyền lại cho tổ Đề-
Đa-Ca:

Hán văn:

Tâm tự bốn lai tâm,
Bốn tâm phi hữu pháp.
Hữu pháp hữu bốn tâm,
Phi tâm phi bốn pháp.

Việt dịch:

*Tâm tự xưa nay tâm,
Bốn tâm chẳng có pháp.
Có pháp có bốn tâm,
Chẳng tâm chẳng bốn pháp.*

Giải nghĩa:

Bản tâm (chân tâm) là pháp vô lậu, vô
tướng nên xưa nay, ở trong ấy, vốn không
có một pháp nào (pháp hữu vi - hữu lậu).

Tất cả chúng sinh hữu tình đều có sẵn chân tâm này (pháp vô vi – vô lậu), chính trong pháp này là tất cả ý niệm pháp hay phi pháp, chân tâm hay không phải là chân tâm.



6. Tổ Di-Dá-Ca (Miccaka)

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ ba sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Đề-Đa-Ca truyền lại cho tổ Di-Dá-Ca:

Hán văn:

Thông đạt bốn tâm pháp,
Vô pháp vô vi pháp.
Ngộ liễu đồng vị ngộ,
Vô tâm diệc vô pháp.

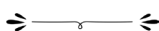
Việt dịch:

*Thông đạt pháp bốn tâm,
Không pháp không phi pháp.
Ngộ rồi đồng chưa ngộ,
Không tâm cũng không pháp.*

Giải nghĩa:

Các bậc thánh nhân trong quá khứ,

hiện tại và vị lai nhờ thông đạt được bản tâm (chân tâm) mà trở nên là các bậc thánh. Các ngài an trú trong chân tâm mà không sinh khởi ý niệm cho đây là chân tâm hay không phải là chân tâm. Khi ngộ (lãnh hội) được chân tâm cũng giống như chưa ngộ bởi vì tâm ấy vốn đã có sẵn trong mỗi chúng sinh hữu tình. Khi hành giả an trú trong chân tâm không khởi lên một niệm pháp hay phi pháp, chân tâm hay không phải là chân tâm.



7. Tổ Bà-Tu-Mật (Vasumitra)

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ ba sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Di-Dá-Ca truyền lại cho tổ Bà-Tu-Mật:

Hán văn:

Vô tâm vô khả đắc,
Thuyết đắc bất danh pháp.
Nhược liễu tâm phi tâm,
Thủy giải tâm tâm pháp.

Việt dịch:

Không tâm không thể được,

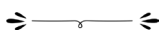
Nói được chẳng gọi pháp.

Nếu rõ tâm phi tâm,

Mới hiểu tâm tâm pháp.

Giải nghĩa:

Trong trí tuệ vô lậu không có một pháp gì để chứng đắc, nếu có ý niệm chứng đắc tức là tâm sinh diệt (vọng tâm). Khi nhận được trí tuệ vô lậu, hành giả mới rõ biết tâm vương và tâm sở (năm thủ uẩn) có bản chất là vô thường, khổ và vô ngã.



8. Tổ Phật-Đà-Nan-Đề (Buddhanandi)

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ tư sau Phật Niết-bàn.

Tổ Bà-Tu-Mật truyền lại cho tổ Phật-Đà-Nan-Đề:

Hán văn:

Tâm đồng hư không giới,

Thị đẳng hư không pháp.

Chứng đắc hư không thời,

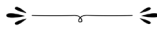
Vô thị vô phi pháp.

Việt dịch:

*Tâm đồng hạp hư không,
Chỉ pháp bằng thái hư.
Khi chứng được hư không,
Không pháp, không phi pháp.*

Giải nghĩa:

Các bậc thánh kiến đạo, tu đạo và đạt đạo. Khi đạt đạo, các ngài sống trọn vẹn trong thể tánh rỗng lặng của Niết-bàn. Điều đó đồng nghĩa với tâm của các ngài rỗng lặng, rộng lớn như thái hư. Khi an trú trong tâm ấy không khởi lên ý niệm là pháp hay không phải pháp.



9. Tổ Phục-Đà-Mật-Đa (Buddhamitra)

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ tư sau Phật Niết-bàn.

Tổ Phật-Đà-Nan-Đề truyền lại cho tổ Phục-Đà-Mật-Đa:

Hán văn:

Chân lý bốn vô danh,

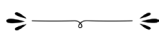
Nhân danh hiển chân lý,
Thọ đắc chân thật pháp,
Phi chân diệc phi ngụy.

Việt dịch:

*Chân lý vốn không tên,
Nhân tên bày chân lý,
Nhận được pháp chân thật,
Chẳng chân cũng chẳng ngụy.*

Giải nghĩa:

Chân lý (chân tâm) lia tất cả mọi danh xưng và ý niệm. Mọi phương tiện được thi thiết chỉ để phân biệt đâu là pháp chân thật và đâu là pháp hư ngụy; đâu là pháp hữu lậu và đâu là pháp vô lậu. Khi lãnh hội được pháp chân thật (tâm vô lậu) thì tâm này không có khái niệm là chân hay ngụy.



10. Tổ Hiếp-Tôn-Giả (Parsvika)

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ năm sau Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Phục-Đà-Mật-Đa truyền lại cho tổ Hiếp-Tôn-Giả:

Hán văn:

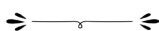
Chân thể tự nhiên chân,
Nhân chân thuyết hữu lý,
Lãnh đắc chân chân pháp,
Vô hành diệt vô chỉ.

Việt dịch:

*Chân thể đã sẵn chân,
Bởi chân nói có lý,
Hội được pháp chân chân,
Không đi cũng không dừng.*

Giải nghĩa:

Mỗi chúng sinh đều sẵn có chân tâm vô lậu cho nên Đức Phật và các bậc hiền thánh đã sử dụng nhiều phương tiện ngôn ngữ văn tự để chỉ cho mọi người nhận được chân lý không sinh diệt (chân tâm vô lậu). Khi nhận được chân tâm, thì ở trong ấy, không có đi cũng không có dừng.



11. Tổ Phú-Na-Dạ-Xa (Punayayasas)

Tổ sống giữa thế kỷ thứ năm sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Hiếp-Tôn-Giả truyền lại cho tổ Phú-Na-Dạ-Xa:

Hán văn:

Mê ngộ như ẩn hiển,
Minh ám bất tương ly,
Kim phó ẩn hiển pháp,
Phi nhất diệc phi nhị.

Việt dịch:

*Mê ngộ như ẩn hiện,
Tối sáng chẳng rời nhau,
Nay trao pháp ẩn hiện,
Chẳng một cũng chẳng hai.*

Giải nghĩa:

Khi chúng ta sống với mê (vọng tâm) thì chân tâm ẩn, nhưng nếu ngay nơi mê ta giác được mê thì chân tâm hiện (ngộ). Chân tâm và vọng tâm không rời nhau, không phải một cũng không phải khác. Chân tâm không phải một với vọng tâm nhưng không rời khỏi vọng tâm để nhận lại.

12. Tổ Bồ-Tát Mã-Minh (Asvaghosha)

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ năm sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Phú-Na-Dạ-Xa truyền lại cho tổ Bồ-tát Mã-Minh:

Hán văn:

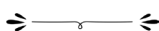
Ẩn hiển tức bốn pháp,
Minh ám nguyên bất nhị,
Kim phó ngộ liễu pháp,
Phi thủ diệc phi khí.

Việt dịch:

Ẩn hiện vốn pháp này,
Sáng tối nguyên không hai,
Nay truyền pháp liễu ngộ,
Không lấy cũng chẳng bỏ.

Giải nghĩa:

Khi ta mê thì trí tuệ vô lậu ẩn, khi giác thì trí tuệ vô lậu hiện; mê và giác không rời nhau. Chúng ta nhận được chân như thì chân như không có ý niệm nắm bắt hay buông bỏ.



13. Tổ Ca-Tỳ-Ma-La (Kapimala)

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ sáu sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Bồ-tát Mã-Minh truyền lại cho tổ Ca-Tỳ-Ma-La:

Hán văn:

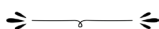
Phi ẩn phi hiển pháp,
Thuyết thị chân thật tế,
Ngộ thử ẩn hiển pháp,
Phi ngu diệt phi trí.

Việt dịch:

*Pháp không ẩn không hiển,
Nói là mé chân thật,
Ngộ pháp ẩn hiển này,
Chẳng ngu cũng chẳng trí.*

Giải nghĩa:

Tâm vô lậu là không có ẩn và hiện, pháp này là pháp chân thật không sinh diệt. Chúng ta hội được tâm vô lậu, sống trong tâm này, không có khái niệm ngu hay trí.



14. Tổ Bồ-Tát Long-Thọ (Nagarjuna)

Tổ sống vào giữa thế kỷ thứ sáu sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Ca-Tỳ-Ma-La truyền lại cho tổ Bồ-

tát Long-Thọ:

Hán văn:

Vị minh ẩn hiển pháp,
Phương thuyết giải thoát lý,
Ư pháp tâm bất chứng,
Vô sân diệc vô hỷ.

Việt dịch:

*Vì sáng pháp ẩn hiển,
Mới nói lý giải thoát,
Nơi pháp tâm chẳng chứng,
Không sân cũng không hỷ.*

Giải nghĩa:

Đức Phật và các bậc hiền thánh dùng nhiều phương tiện ngôn ngữ văn tự để giúp cho chúng sinh nhận lại được tâm vô lậu vốn sẵn có này. Pháp này là pháp vô lậu, vô tướng nên trong ấy không có một pháp nào để chứng nhưng không phải là không có chứng. Chính trong tâm này không mừng (hữu lậu) cũng không lo. Tâm vô lậu này có cái vui thường (không sinh diệt), lạc (lạc vô lậu), ngã (vô ngã) và thanh tịnh (vô lậu).

15. Tổ Bồ-Tát Ca-Na-Đề-Bà (Kanadeva)

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ sáu sau khi Đức Phật Niết-bàn

Tổ Bồ-tát Long-Thọ truyền lại cho tổ Bồ-tát Ca-Na-Đề-Bà:

Hán văn:

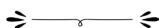
Bổn đối truyền pháp nhân,
Vị thuyết giải thoát lý,
Ư pháp thật vô chứng,
Vô chung diệt vô thủy.

Việt dịch:

*Xưa đối người truyền pháp,
Vì nói lý giải thoát,
Nơi pháp thật không chứng,
Không chung cũng không thủy.*

Giải nghĩa:

Các bậc tổ sư đều trao truyền pháp vô lậu này, chỉ có pháp này mới giải thoát khỏi vô minh, ái và thủ. Pháp này không có chứng có đắc, không có điểm khởi đầu và điểm kết thúc, vì đây là pháp vô lậu.



16. Tổ La-Hầu-La-Đa (Rahulata)

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ bảy sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tổ Bồ-tát Ca-Na-Đề-Bà truyền lại cho tổ La-Hầu-La-Đa:

Hán văn:

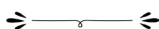
Ư pháp thật vô chứng,
Bất thủ diệt bất ly,
Pháp phi hữu vô tướng,
Nội ngoại vân hà khởi.

Việt dịch:

*Nơi pháp thật không chứng,
Chẳng giữ cũng chẳng lìa,
Pháp chẳng tướng có không,
Trong ngoài do đâu khởi.*

Giải nghĩa:

Trong chân tâm vô lậu không có ý niệm chứng, không có ý niệm nắm bắt hay buông bỏ, chẳng phải tướng có hay tướng không vì chân tâm vốn rỗng lặng, không sinh diệt.



17. Tổ Tăng-Già-Nan-Đề (Sanghanandi)

Tổ sống vào giữa thế kỷ thứ bảy sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ La-Hầu-La-Đa truyền lại cho tổ Tăng-Già-Nan-Đề:

Hán văn:

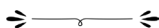
Tâm địa bốn vô sanh,
Nhân địa từng duyên khởi,
Duyên chủng bất tương phòng,
Hoa quả diệt phục nhi.

Việt dịch:

*Đất tâm vốn không sanh,
Nhân đất từ duyên khởi,
Duyên giống chẳng ngại nhau,
Hoa trái cũng như thế.*

Giải nghĩa:

Chân tâm vô lậu vốn là pháp không sinh diệt, từ trong bản tâm này khởi ra hàng sa diệu dụng để giáo hóa cho vô số chúng sinh giúp họ hội đạo, tu đạo và đạt đạo nhưng không hề chướng ngại.



18. Tổ Già-Da-Xá-Đa (Gayasata)

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ bảy sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Tăng-Già-Nan-Đề truyền lại cho tổ Già-Da-Xá-Đa:

Hán văn:

Hữu chủng hữu tâm địa,
Nhân duyên năng phát minh,
Ư duyên bất tương ngộ,
Đương sanh sanh bất sanh.

Việt dịch:

*Có giống có đất tâm,
Nhân duyên hay nảy mầm,
Đối duyên chẳng ngại nhau,
Chính sanh, sanh chẳng sanh.*

Giải nghĩa:

Tất cả chúng sinh đều có vọng tâm và chân tâm, nhưng phải ở nơi các duyên tức ngay nơi sáu căn để lãnh hội được chân tâm. Chính tâm này là pháp vô lậu nên không sinh không diệt.



19. Tổ Cưu-Ma-La-Đa (Kumarata)

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ tám sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Già-Da-Xá-Đa truyền lại cho tổ Cưu-Ma-La-Đa:

Hán văn:

Tánh thượng bốn vô sanh,
Vị đối cầu nhân thuyết,
Ư pháp ký vô đắc,
Hà hoài quyết bất quyết.

Việt dịch:

*Trên tánh vốn không sanh,
Vì đối người cầu nói,
Nơi pháp đã không được,
Đâu cần giải chẳng giải.*

Giải nghĩa:

Tâm vô lậu vốn rỗng lặng không sinh diệt, chỉ vì người cầu cho nên mới dạy. Khi an trú hoàn toàn trong tâm này thì dù nói hay im lặng tâm vẫn thường định, tùy duyên mà lưu xuất ra diệu dụng để chỉ dạy cho người. Ở trong tâm này không có chứng, không có ý niệm hiểu hay không hiểu.

20. Tổ Xà-Dạ-Đa (Jayata)

Tổ sống vào giữa thế kỷ thứ tám sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Cưu-Ma-La-Đa truyền lại cho tổ Xà-Dạ-Đa:

Hán văn:

Ngôn hạ hiệp vô sanh,
Đồng ư pháp giới tánh,
Nhược năng như thị giải,
Thông đạt sự lý cánh.

Việt dịch:

*Nói ra hợp vô sanh,
Đồng cùng tánh pháp giới,
Nếu hay hiểu như thế,
Suốt thông sự lý tốt.*

Giải nghĩa:

Các bậc thánh nhân ngộ được tâm vô lậu, tu tập và đạt được tâm rộng lặng nên mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng hay im lặng đều thường định. Các ngài sống với tâm vô lậu rộng lặng rộng lớn trùm khắp pháp giới, do đó, lý và sự đều thấu suốt.

21. Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu (Vasubandhu)

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ tám sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Xà-Dạ-Đa truyền lại cho tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu:

Hán văn:

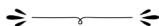
Bào huyễn đồng vô ngại,
Vân hà bất ngộ liễu,
Đạt pháp tại kỳ trung,
Phi kim diệt phi cổ.

Việt dịch:

*Bọt huyễn đồng không ngại,
Tại sao chẳng liễu ngộ,
Đạt pháp ngay trong ấy,
Chẳng xưa cũng chẳng nay.*

Giải nghĩa:

Vọng tâm không chướng ngại gì với chân tâm, hành giả phải ở nơi vọng tâm để nhận lại chân tâm. Khi hành giả an trú nơi chân tâm, ở trong đó, không có khái niệm xưa hay nay.



22. Tổ Ma-Noa-La (*Manorhita*)

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ chín sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu truyền lại cho tổ Ma-Noa-La:

Hán văn:

Tâm tùy vạn cảnh chuyển,
Chuyển xứ thật năng u,
Tùy lưu nhận đặc tánh,
Vô hỷ diệt vô ưu.

Việt dịch:

*Tâm theo muôn cảnh chuyển,
Chỗ chuyển thật kín sâu,
Theo dòng nhận được tánh,
Không mừng cũng không lo.*

Giải nghĩa:

Hai câu đầu là mô tả sự tập khởi của khổ đế và tập đế, hai câu sau nói về đạo đế và diệt đế. Bởi vọng niệm vin nơi cảnh mà tập khởi, nguồn gốc để chúng hiện khởi là A-lại-da (vì bảy chuyển thức lấy thức A-lại-da làm căn bản). Cho nên, chúng ta phải ở nơi khổ đế, tập đế (năm thủ uẩn) để lãnh

hội đạo đế và diệt đế; ở nơi vô minh, ái và thủ nhận được minh; nơi mê nhận giác; nơi thức nhận trí; nơi sự để hội được lý; ở nơi vọng tâm sinh diệt nhận được chân tâm bất diệt. Chân tâm không khởi ý niệm vui mừng (vui hữu lậu), lo lắng hay ưu phiền. An trú trong chân tâm tu tập đạt đến Niết-bàn tịch tĩnh.



23. Tổ Hạc-Lặc-Na (Haklena)

Tổ sống vào giữa thế kỷ thứ chín sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Ma-Noa-La truyền lại cho tổ Hạc-Lặc-Na:

Hán văn:

Nhận đắc tâm tánh thời,
Khả thuyết bất tư nghi,
Liễu liễu vô khả đắc,
Đắc thời bất thuyết tri.

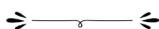
Việt dịch:

*Khi nhận được tâm tánh,
Mới nói chẳng nghĩ bàn,*

*Rõ ràng không chỗ được,
Khi được không nói biết.*

Giải nghĩa:

Khi chúng ta nhận được trí tuệ vô lậu, chính trí tuệ này không thể nghĩ bàn, không có chỗ chứng, không có chỗ biết nhưng không phải là không chứng, không biết. Trí tuệ vô lậu này xa lìa tất cả ý niệm thiện ác hay có không.



24. Tổ Sư-Tử (Aryasimha)

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ chín sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Hạc-Lặc-Na truyền lại cho tổ Sư-Tử:

Hán văn:

Chánh thuyết tri kiến thời,
Tri kiến câu thị tâm,
Đương tâm tức tri kiến,
Tri kiến tức vu kim.

Việt dịch:

*Chính khi nói tri kiến,
Tri kiến đều là tâm,*

*Chính tâm tức tri kiến,
Tri kiến tức hiện nay.*

Giải nghĩa:

Có hai loại tri kiến: Một là tri kiến hữu lậu sinh khởi từ vọng tâm của phàm phu; hai là tri kiến vô lậu được lưu xuất từ chân tâm của các bậc thánh. Từ nơi chân tâm vô lậu ấy mới sinh ra cái thấy và cái biết chân thật. Nếu chúng ta an trú trong chân tâm vô lậu thì trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe cho đến trong cái nhận biết chỉ là cái nhận biết. Các bậc thánh nhân thuyết pháp để giáo hóa chúng sinh đều lưu xuất từ chân tâm vô lậu, chính tâm này mới sinh ra vô lượng thiện pháp.



25. Tổ Bà-Xá-Tư-Đa (Basiasita)

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ mười sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Sư-Tử truyền lại cho tổ Bà-Xá-Tư-Đa:

Hán văn:

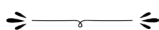
Thánh nhân thuyết tri kiến
Đương cảnh vô thị phi,
Ngã kim ngộ kỳ tánh,
Vô đạo diệt vô lý.

Việt dịch:

*Thánh nhân nói tri kiến,
Ngay cảnh không phải quấy,
Nay ta ngộ tánh ấy,
Không đạo cũng không lý.*

Giải nghĩa:

Các bậc thánh nhân xưa nay chỉ dạy, để nhận lại trí tuệ vô lậu phải ngay nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Ngay nơi các cảnh này không sinh khởi tâm thiện ác, hoặc có hoặc không. Đó là tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc, tánh biết không sinh diệt.



26. Tổ Bất-Như-Mật-Đa (Punyamitra)

Tổ sống vào giữa thế kỷ thứ mười sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Bà-Xá-Tư-Đa truyền lại cho tổ Bất-Như-Mật-Đa:

Hán văn:

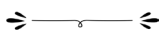
Chân tánh tâm địa tàng,
Vô đầu diệc vô đuôi,
Ứng duyên nhi hóa vật,
Phương tiện hô vi trí.

Việt dịch:

*Kho tâm địa chân tánh,
Không đầu cũng không đuôi,
Hợp duyên tùy hóa vật,
Phương tiện gọi là trí.*

Giải nghĩa:

Tâm vô lậu không có điểm khởi đầu cũng không có điểm kết thúc. Các bậc thánh nhân thường an trụ trong trí vô lậu này để giáo hóa chúng sinh.



27. Tổ Bất-Nhã-Đa-La (Prajnatara)

Tổ sống vào cuối thế kỷ thứ mười sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Bất-Như-Mật-Đa truyền lại cho tổ

Bát-Nhã-Đa-La:

Hán văn:

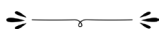
Tâm địa sanh chư chủng,
Nhân sự phục sanh lý,
Quả mãn bồ-đề viên,
Hoa khai thế giới khởi.

Việt dịch:

*Đất tâm sanh các giống,
Nhân sự lại sanh lý,
Quả đầy bồ-đề tròn,
Hoa nở thế giới sanh.*

Giải nghĩa:

Chúng ta đều có vọng tâm và chân tâm, ta phải ngay nơi vọng tâm để nhận lại chân tâm. Khi nhận được chân tâm rồi an trú trong chân tâm vô lậu tu tập để đạt các tầng thánh quả. Khi thành tựu các tầng thánh quả, các ngài sinh vào thế giới đầy hạnh phúc và các ngài nguyện sinh vào quốc độ nào cũng đem lại hạnh phúc cho chúng sinh ở nơi các thế giới quốc độ ấy.



28. Bồ-Đề-Đạt-Ma (Bodhidharma)

Là Tổ thứ nhất của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ sống vào đầu thế kỷ thứ mười một sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Tổ Bát-Nhã-Đa-La truyền lại cho tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma:

Hán văn:

Ngô bốn lai tư độ,
Truyền pháp cứu mê tình,
Nhất hoa khai ngũ diệp,
Kết quả tự nhiên thành.

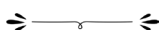
Việt dịch:

*Ta sang đến cõi này,
Truyền pháp cứu mê tình,
Một hoa nở năm cánh,
Nụ trái tự nhiên thành.*

Giải nghĩa:

Là Tổ thứ 28, Ngài từ Ấn Độ qua Trung Hoa truyền pháp vô lậu để cứu giúp cho chúng sinh chấm dứt khổ đau. Sự truyền thừa y bát này được kéo dài cho đến thời ngài Lục Tổ Huệ Năng và sau đó chia

thành năm tông phái, đó là Tông Lâm Tế, Tông Quy Ngưỡng, Tông Tào Động, Tông Vân Môn và Tông Pháp Nhãn.



29. Huệ-Khả (494 – 601)

Là Tổ thứ hai của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma truyền lại cho tổ Huệ Khả:

Hán văn:

Bổn lai duyên hữu địa,
Nhân địa chúng hoa sanh,
Bổn lai vô hữu chủng,
Hoa diệt bất tăng sanh.

Việt dịch:

*Xưa nay nhân có đất,
Bởi đất giống hoa sanh,
Xưa nay không có giống,
Hoa cũng chẳng tăng sanh.*

Giải nghĩa:

Hai câu đầu là chỉ cho pháp hữu lậu; hai câu sau là chỉ cho pháp vô lậu (vô vi).

30. Tăng Xán (497 – 602)

Là Tổ thứ ba của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ Huệ Khả truyền lại cho tổ Tăng Xán:

Hán văn:

Hoa chủng tuy nhân địa,
Tùng địa chủng hoa sanh,
Nhược vô nhân hạ chủng,
Hoa địa tận vô sanh.

Việt dịch:

*Giống hoa tuy nhân đất,
Từ đất giống hoa sanh,
Nếu không người gieo giống,
Hoa, đất trọn không sanh.*

Giải nghĩa:

Tất cả chúng sinh hữu tình đều có vọng tâm và chân tâm. Nhưng nếu không có Đức Phật cũng như các bậc hiền thánh xuất hiện để chỉ dạy giáo pháp thì chúng ta sẽ chẳng thể nào lãnh hội được chân tâm. Chính nhờ sự khai ngộ của các ngài, chúng ta mới hiểu được đâu là chân-vọng, thiện-ác...

31. Đạo Tín (580 – 651)

Là Tổ thứ tư của Thiên Tông Trung Hoa.

Tổ Tăng Xán truyền lại cho tổ Đạo Tín:

Hán văn:

Hoa chủng hữu sanh tánh,
Nhân địa hoa sanh sanh,
Đại duyên dữ tín hiệp,
Đương sanh sanh bất sanh.

Việt dịch:

*Giống hoa có tánh sống,
Nhân đất hoa nảy mầm,
Duyên lớn cùng tín hợp,
Chính sanh, sanh chẳng sanh.*

Giải nghĩa:

Chúng ta đều có chủng tử hữu lậu và chủng tử vô lậu, nhân duyên lớn được gặp giáo pháp của Đức Như Lai và các bậc đại thiện tri thức chỉ dạy liền nhận được trí tuệ vô lậu, chính trí tuệ vô lậu này là pháp không sinh diệt.



32. Hoàng Nhấn (602 - 675)

Là Tổ thứ năm của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ Đạo Tín truyền lại cho tổ Hoàng Nhấn:

Hán văn:

Hữu tình lai hạ chủng,
Nhân địa quả hoàn sanh,
Vô tình ký vô chủng,
Vô tánh diệt vô sanh.

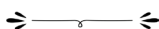
Việt dịch:

*Hữu tình đến gieo giống,
Nhân đất quả lại sanh,
Vô tình đã không giống,
Không tánh cũng không sanh.*

Giải nghĩa:

Chúng ta muốn đoạn trừ khổ đau thì cần phải tìm thầy để học đạo, chính nhờ thầy dạy cho ta lãnh hội được chánh kiến vô lậu. Chánh kiến vô lậu này là thuộc thiện pháp vô lậu (từ - bi - hỷ - xả) chứ không có các pháp bất thiện. Pháp này là pháp vô vi - vô lậu nên không có sự tạo tác, là tất

cả ý niệm.



33. Huệ Năng (638 – 713)

Là Tổ thứ sáu của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ Hoàng Nhãn truyền lại cho tổ Huệ Năng:

Hán văn:

Tâm địa hàm chư chủng,
Phổ vũ tất giai manh.
Đốn ngộ hoa tình dĩ,
Bồ-đề quả tự thành.

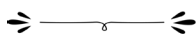
Việt dịch:

*Đất tâm chứa các giống,
Mưa khắp ắt nảy mầm.
Hoa tình vừa đốn ngộ,
Trái Bồ-đề tự thành.*

Giải nghĩa:

Chúng ta đều có chủng tử hữu lậu và chủng tử vô lậu. Chính vì sẵn có hai loại chủng tử này trong tâm cho nên Đức Phật và các bậc hiền thánh đã dùng mọi phương

tiện ngôn ngữ văn tự để giúp cho chúng ta nhận lại được chủng tử vô lậu. Khi chúng ta nhận được tâm vô lậu và an trú trong chân tâm vô lậu này để tu tập nên đạt được các thánh quả.



TÀI LIỆU THAM KHẢO



Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, *Trái Tim Của Hiếu Biết*, Lá Bối (2000).

Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, *Kinh Kim Cang Gươm Báu Cắt Đứt Phiền Nã*, Nhà Xuất Bản Văn Hóa – Văn Nghệ TP.HCM (2017).

Hòa Thượng Thích Minh Chánh, *Bát Nhã Trực Chỉ*, Hội Phật Giáo Bắc Kỳ (1943).

Hòa Thượng Thích Thái Hòa, *Bát Nhã Tâm Kinh Chú Giải*, Nhà Xuất Bản Hồng Đức (2008).

Hòa Thượng Tuyên Hóa, *Kinh Kim Cang Giảng Giải*, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo.

Hòa Thượng Thích Thanh Từ, *Sử 33 Vị Tổ Thiền Tông Ấn – Hoa* dịch và giảng giải, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo (1972).

Hòa Thượng Thích Thanh Từ, *Kinh Kim Cang Giảng Giải*, Nhà Xuất Bản Văn Hóa – Văn Nghệ (1992).

Hòa Thượng Thích Thanh Từ, *Bát Nhã Tâm Kinh Giảng Giải* (1997).

Hòa Thượng Thích Thông Phương, *Kinh Kim Cang Giảng Lục*, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo (2011).

Hòa Thượng Thích Thông Phương dịch và giảng giải, *Tâm Kinh Bát Nhã Qua Cái Nhìn Nhà Thiền*.

Lục Tổ Huệ Năng, Nguyên Hiến dịch Việt, *Kinh Kim Cang Bát Nhã*, Nhà Xuất Bản Phương Đông (2009).

Tỳ-kheo Thích Nhuận Châu, Việt dịch, *Kinh Kim Cang Tông Thông*, Nhà Xuất Bản Phương Đông (2006).

Osho, *Kinh Kim Cang*, Nhà Xuất Bản Hà Nội (2017).

Đạt Lai Lạt Ma, Hồng Như dịch, *Tinh Túy Bát Nhã Tâm Kinh*, Ấn Bản Điện Tử.

Daisetz Teitaro Suzuki, Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch, *Thiền Và Bát Nhã*, Nhà Xuất Bản Phương Đông (2015).

Thiền Sư Nguyệt Khê Tâm Viên, Đặng Hữu Trí dịch, *Tâm Kinh Giảng Lục*, Nhà Xuất Bản Phương Đông (2015).

**GIẢI NGHĨA KINH KIM CANG, BÁT NHÃ
VÀ 33 BÀI KỆ CỦA CÁC VỊ TỔ ẤN - HOA
THÍCH THẮNG GIẢI**

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập: Trần Thị Anh
Sửa bản in: Bá Kỳ
Trình bày: Hương Nghiêm
Bìa: Thầy Văn Lang

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225
Fax: 84.28.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM - ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM - ĐT: 39 433 868

GIAN HÀNG M01-ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM

Đường Nguyễn Văn Bình, Q.1, TP.HCM - ĐT: 38 238 191

Thực hiện liên kết:

Thầy Thích Thái Tuệ

**Địa chỉ: 17/11A đường 14B, P. Bình Hưng Hòa A,
Q. Bình Tân, TP.HCM**

In lần thứ nhất, số lượng 1.500 cuốn, khổ 13 x 20.5cm

Tại xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, P.15,
Q. Tân Bình, TP.HCM

XNĐKXB số: 1961-2021/CXBIPH/05-140/THTPHCM

QĐXB số: 385/QĐ-THTPHCM-2021 ngày 15/06/2021.

ISBN: 978-604-335-155-2. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.